

QUYẾT ĐỊNH

V/v ban hành Quy chế Công bố thông tin của
Công ty Cổ phần Chứng khoán Ngân hàng Công thương Việt Nam
Mã số: QC.01.06.II

**HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ CÔNG TY CỔ PHẦN
CHỨNG KHOÁN NGÂN HÀNG CÔNG THƯƠNG VIỆT NAM**

Căn cứ Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 được Quốc hội nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam thông qua ngày 17/06/2020 và các văn bản hướng dẫn thi hành Luật Doanh nghiệp;

Căn cứ Luật Chứng khoán số 54/2019/QH14 được Quốc hội nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam thông qua ngày 26/11/2019 và các văn bản hướng dẫn thi hành Luật Chứng khoán;

Căn cứ Thông tư số 121/2020/TT-BTC ngày 31/12/2020 của Bộ Tài chính Quy định về hoạt động của công ty chứng khoán;

Căn cứ Thông tư số 96/2020/TT-BTC ngày 16/11/2020 của Bộ Tài chính hướng dẫn công bố thông tin trên thị trường chứng khoán;

Căn cứ Quyết định số 21/QĐ-SGDVN ngày 21/12/2021 của Sở Giao dịch Chứng khoán Việt Nam về việc ban hành Quy chế Công bố thông tin tại Sở Giao dịch Chứng khoán Việt Nam và công ty con;

Căn cứ Điều lệ tổ chức và hoạt động, Quy chế nội bộ về quản trị công ty, Quy chế hoạt động của Hội đồng quản trị Công ty Cổ phần Chứng khoán Ngân hàng Công thương Việt Nam;

Căn cứ Nghị quyết số 93/2022/NQ-HĐQT-CKCT ngày 22/07/2022 của Hội đồng quản trị Công ty về việc Thông qua nội dung bản dự thảo sửa đổi và phê duyệt ban hành Quy chế Công bố thông tin của Công ty Cổ phần Chứng khoán Ngân hàng Công thương Việt Nam;

Căn cứ các tài liệu, văn bản quy định khác có liên quan.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này “Quy chế Công bố thông tin của Công ty Cổ phần Chứng khoán Ngân hàng Công thương Việt Nam”, mã số QC.01.06.II.

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký và thay thế cho Quyết định số 09B/2021/QĐ-HĐQT-CKCT01 ngày 10/05/2021 của Hội đồng quản trị Công ty về việc

ban hành Quy chế Công bố thông tin của Công ty Cổ phần Chứng khoán Ngân hàng Công thương Việt Nam, mã số QC.01.06.01.

Điều 3. Các Ông/Bà thành viên HĐQT, Ban Tổng Giám đốc, Kế toán trưởng, Giám đốc Chi nhánh, Trưởng các phòng ban, bộ phận và cá nhân có liên quan tại Công ty Cổ phần Chứng khoán Ngân hàng Công thương Việt Nam chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này.

Nơi nhận:

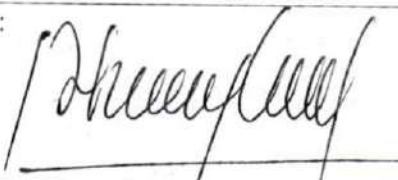
- Như Điều 3;
- Lưu TCHC.



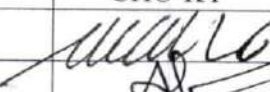
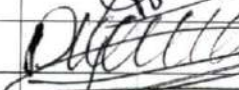
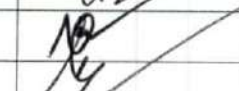
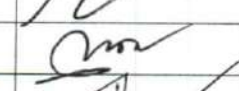
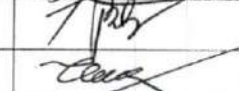
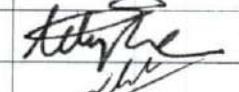
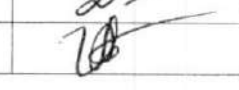
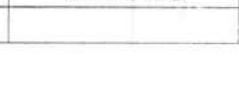
Trần Phúc Vinh

	CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN NHCT VIỆT NAM		
	QUY CHẾ CÔNG BỐ THÔNG TIN CÔNG TY CHỨNG KHOÁN CÔNG THƯƠNG	Mã số: QC.01.06.II	Lần sửa đổi: 02
		Tổng số trang: 77	Ngày văn bản: 22.../07/2022

THÀNH PHẦN CHỦ TRÌ SOẠN THẢO

NGƯỜI SOẠN THẢO Chữ ký:  Họ và tên: Vũ Thị Thu Hiền Chức vụ, đơn vị: Phó phòng TCHC	NGƯỜI KIỂM TRA Chữ ký:  Họ và tên: Phan Chính Phương Chức vụ, đơn vị: PPT. Phòng TCHC
--	--

THÀNH PHẦN THAM GIA XEM XÉT

STT	HỌ VÀ TÊN	CHỨC VỤ	ĐƠN VỊ	CHỮ KÝ
1	Vũ Đức Mạnh	Tổng Giám đốc	Ban Điều hành	
2	Đặng Anh Hào	P.Tổng Giám đốc	Ban Điều hành	
3	Phạm Ngọc Hiệp	P.Tổng Giám đốc	Ban Điều hành	
4	Nguyễn Tuấn Anh	P.Tổng Giám đốc	Ban Điều hành	
5	Trần Thị Ngọc Tài	P.Tổng Giám đốc	Ban Điều hành	
6	Nguyễn Thị Anh Thư	Kế toán trưởng	Ban Điều hành	
7	Hoàng Thị Thùy Linh	Chánh Văn phòng	Văn phòng HDQT	
8	Nguyễn Hải Nam	Q.Trưởng phòng	Phòng TD&BLPH	
9	Phan Trường Sinh	Trưởng phòng	Phòng KDV	
10	Trần Thị Thanh Hoa	PP. Phụ trách phòng	Phòng TVTCĐN	
11	Nguyễn Tùng Linh	Q.Trưởng phòng	Phòng MG&TVĐT	
12	Võ An Hải	Trưởng phòng	Phòng KTKSNB	
13	Thái Thị Minh Tâm	Trưởng phòng	Phòng DVCK	
14	Đào Tuấn Trung	Trưởng phòng	Phòng NCPT&PTSP	
15	Lê Huy Tuệ	Trưởng phòng	Phòng CNTT	
16	Nguyễn Thị Thu Hiền	PP. Phụ trách phòng	Phòng QLRR	
17	Nguyễn Thị Thùy Linh	Trưởng Bộ phận	Bộ phận KTNB	



Họ và tên: Trần Phúc Vinh
 Chức vụ: Chủ tịch HĐQT
THEO DÕI SỬA ĐỔI VĂN BẢN

LẦN SỬA	NGÀY SỬA	VỊ TRÍ	TÓM TẮT NỘI DUNG SỬA	GHI CHÚ
02			Ban hành lại toàn bộ văn bản	

MỤC LỤC

CHƯƠNG I. QUY ĐỊNH CHUNG.....	1
Điều 1. Mục đích.....	1
Điều 2. Phạm vi điều chỉnh và đối tượng áp dụng.....	1
Điều 3. Các tài liệu liên quan.....	1
Điều 4. Các từ viết tắt.....	2
Điều 5. Các định nghĩa.....	2
Điều 6. Nguyên tắc thực hiện.....	4
Điều 7. Người thực hiện công bố thông tin.....	6
Điều 8. Phương tiện công bố thông tin.....	6
Điều 9. Thay đổi, tạm hoãn công bố thông tin.....	7
Điều 10. Nội dung thông tin công bố, thời gian CBTT, đơn vị CBTT.....	8
Điều 11. Xử lý vi phạm về CBTT.....	33
Điều 12. Trách nhiệm của các cá nhân, bộ phận liên quan.....	33
Điều 13. Cung cấp thông tin cho các phương tiện thông tin đại chúng.....	35
CHƯƠNG II. TỔ CHỨC THỰC HIỆN.....	36
Điều 14. Điều khoản thi hành.....	36
PHỤ LỤC I. GIẤY ỦY QUYỀN THỰC HIỆN CÔNG BỐ THÔNG TIN.....	37
PHỤ LỤC II. BẢN CUNG CẤP THÔNG TIN.....	38
PHỤ LỤC III. BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN.....	41
PHỤ LỤC IV. BÁO CÁO TÌNH HÌNH QUẢN TRỊ CÔNG TY.....	50
PHỤ LỤC V. BÁO CÁO ĐỊNH KỲ TÌNH HÌNH THANH TOÁN GỐC, LÃI TRÁI PHIẾU DOANH NGHIỆP.....	55
PHỤ LỤC VI. BÁO CÁO VỀ NGÀY TRỞ THÀNH/KHÔNG CÒN LÀ CỔ ĐÔNG LỚN, NHÀ ĐẦU TƯ NẪM GIỮ TỪ 5% TRỞ LÊN CỔ PHIẾU/ CHỨNG CHỈ QUỸ ĐÓNG.....	57
PHỤ LỤC VII. BÁO CÁO VỀ THAY ĐỔI SỞ HỮU CỦA CỔ ĐÔNG LỚN, NHÀ ĐẦU TƯ NẪM GIỮ TỪ 5% TRỞ LÊN CỔ PHIẾU/CHỨNG CHỈ QUỸ ĐÓNG.....	59
PHỤ LỤC VIII. MẪU CÔNG BỐ THÔNG TIN.....	61
PHỤ LỤC IX. MẪU THÔNG BÁO THAY ĐỔI NHÂN SỰ.....	62
PHỤ LỤC X. DANH SÁCH NGƯỜI NỘI BỘ VÀ NHỮNG NGƯỜI CÓ LIÊN QUAN.....	63
PHỤ LỤC XI. THAY ĐỔI NGƯỜI CÓ LIÊN QUAN CỦA NGƯỜI NỘI BỘ.....	65
PHỤ LỤC XII. CÔNG BỐ THÔNG TIN THAY ĐỔI SỐ LƯỢNG CỔ PHIẾU CÓ QUYỀN BIỂU QUYẾT.....	66
PHỤ LỤC XIII. MẪU THÔNG BÁO THAY ĐỔI GIẤY PHÉP THÀNH LẬP VÀ HOẠT ĐỘNG.....	67
PHỤ LỤC XIV. THÔNG BÁO GIAO DỊCH CỔ PHIẾU/ CHỨNG CHỈ QUỸ/ CHỨNG QUYỀN CÓ BẢO ĐẢM CỦA NGƯỜI NỘI BỘ VÀ NGƯỜI CÓ LIÊN QUAN CỦA NGƯỜI NỘI BỘ.....	68

16

PHỤ LỤC XV. THÔNG BÁO GIAO DỊCH TRÁI PHIẾU CHUYỂN ĐỔI, QUYỀN MUA CỔ PHIẾU/CHỨNG CHỈ QUỸ, QUYỀN MUA TRÁI PHIẾU CHUYỂN ĐỔI CỦA NGƯỜI NỘI BỘ VÀ NGƯỜI CÓ LIÊN QUAN.....	70
PHỤ LỤC XVI. BÁO CÁO KẾT QUẢ GIAO DỊCH CỔ PHIẾU/ CHỨNG CHỈ QUỸ/ CHỨNG QUYỀN CÓ BẢO ĐẢM CỦA NGƯỜI NỘI BỘ VÀ NGƯỜI CÓ LIÊN QUAN.....	72
PHỤ LỤC XVII. BÁO CÁO KẾT QUẢ GIAO DỊCH TRÁI PHIẾU CHUYỂN ĐỔI, QUYỀN MUA CỔ PHIẾU/CHỨNG CHỈ QUỸ/TRÁI PHIẾU CHUYỂN ĐỔI CỦA NGƯỜI NỘI BỘ VÀ NGƯỜI CÓ LIÊN QUAN	74
PHỤ LỤC XVIII. THÔNG BÁO THAY ĐỔI MÔ HÌNH CÔNG TY VÀ LOẠI BÁO CÁO TÀI CHÍNH .	76

KL

QUY CHẾ CÔNG BỐ THÔNG TIN
CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN NGÂN HÀNG
CÔNG THƯƠNG VIỆT NAM

Mã số: QC.01.06.II

(Ban hành kèm theo Quyết định số 86. /2022/QĐ-HĐQT-CKCT01 ngày 22. tháng 07 năm 2022
của Hội đồng quản trị Công ty Cổ phần Chứng khoán Ngân hàng Công thương Việt Nam)

CHƯƠNG I
QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Mục đích

Quy định cụ thể về việc công bố thông tin của Công ty Cổ phần Chứng khoán Ngân hàng Công thương Việt Nam (“**Công ty Chứng khoán Công thương**”/“**Công ty**”), đảm bảo tuân thủ các quy định của pháp luật về chứng khoán và thị trường chứng khoán.

Xác định trách nhiệm và quyền hạn của các đơn vị, cá nhân có liên quan trong việc công bố thông tin trên thị trường chứng khoán của Công ty Chứng khoán Công thương.

Điều 2. Phạm vi điều chỉnh và đối tượng áp dụng

2.1. Phạm vi điều chỉnh

Quy định này được áp dụng trong việc công bố thông tin của Công ty Chứng khoán Công thương.

2.2. Đối tượng áp dụng

Quy định này áp dụng đối với đơn vị công bố thông tin và các đơn vị, cán bộ có liên quan trong Công ty Chứng khoán Công thương khi thực hiện công bố thông tin.

Điều 3. Các tài liệu liên quan

- Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 được Quốc hội nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam thông qua ngày 17/06/2020 và các văn bản hướng dẫn thi hành Luật Doanh nghiệp;
- Luật Chứng khoán số 54/2019/QH14 được Quốc hội nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam thông qua ngày 26/11/2019 và các văn bản hướng dẫn thi hành Luật Chứng khoán;
- Nghị định 155/2020/NĐ-CP ngày 31/12/2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán;
- Thông tư số 121/2020/TT-BTC ngày 31/12/2020 của Bộ Tài chính Quy định về hoạt động công ty chứng khoán;

QUY CHẾ	Mã số: QC.01.06.II	Trang: 1 77
CÔNG BỐ THÔNG TIN	Lần sửa đổi: 02	Ngày văn bản:/...../2022

- Thông tư số 96/2020/TT-BTC ngày 16/11/2020 của Bộ Tài chính hướng dẫn công bố thông tin trên thị trường chứng khoán;
- Quy chế Công bố thông tin tại Sở Giao dịch Chứng khoán Việt Nam và công ty con ban hành kèm theo Quyết định số 21/QĐ-SGDVN ngày 21/12/2021 của Tổng Giám đốc Sở Giao dịch Chứng khoán Việt Nam;
- Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty Cổ phần Chứng khoán Ngân hàng Công thương Việt Nam đã được Đại hội đồng cổ đông thông qua;
- Chức năng nhiệm vụ của các Đơn vị tại Trụ sở chính và Chi nhánh Công ty;
- Các tài liệu, văn bản quy định khác có liên quan.

Điều 4. Các từ viết tắt

- CBTT : Công bố thông tin
- TGĐ/QTGD : Tổng Giám đốc/Quyền Tổng Giám đốc
- HĐQT : Hội đồng quản trị
- SGDCK : Sở Giao dịch Chứng khoán (Việt Nam, Hà Nội và Tp.Hồ Chí Minh)
- TTLK : Trung tâm Lưu ký Chứng khoán Việt Nam/Tổng Công ty lưu ký và bù trừ chứng khoán Việt Nam
- UBCKNN : Ủy ban Chứng khoán Nhà nước
- TSC : Trụ sở chính
- CN : Chi nhánh
- VP HĐQT : Văn phòng Hội đồng Quản trị
- TD&BLPH : Tự doanh và Bảo lãnh phát hành
- TVTCĐN : Tư vấn Tài chính doanh nghiệp
- MG&TVĐT : Môi giới và Tư vấn Đầu tư
- NCPT&PTSP : Nghiên cứu Phân tích và Phát triển Sản phẩm
- KDV : Kinh doanh vốn
- KTTC : Kế toán Tài chính
- DVCK : Dịch vụ Chứng khoán
- CNTT : Công nghệ Thông tin
- TCHC : Tổ chức và Hành chính
- KTKSNB : Kiểm tra Kiểm soát nội bộ
- KTNB : Kiểm toán nội bộ
- QLRR : Quản lý Rủi ro
- BCTC : Báo cáo tài chính

Điều 5. Các định nghĩa

- Công ty: là Công ty Chứng khoán Công thương;
- Đơn vị: là các phòng/ban tại TSC và CN Công ty;

QUY CHẾ	Mã số: QC.01.06.II	Trang: 2 77
CÔNG BỐ THÔNG TIN	Lần sửa đổi: 02	Ngày văn bản:/....../2022

- **Người CBTT:** là người đại diện theo pháp luật của Công ty được quy định tại Điều lệ Công ty;

- **Người được ủy quyền CBTT:** là người được người CBTT của Công ty ủy quyền CBTT, được đăng ký với UBCKNN và SGDCK;

- **Người nội bộ của Công ty:**

a) Chủ tịch HĐQT; Thành viên HĐQT; Người đại diện theo pháp luật; Tổng Giám đốc; Phó Tổng Giám đốc; Kế toán trưởng và các chức danh quản lý tương đương do Đại hội cổ đông bầu hoặc Hội đồng quản trị bổ nhiệm;

b) Trưởng ban Kiểm soát và thành viên Ban Kiểm soát (Kiểm soát viên), Thành viên bộ phận Kiểm toán nội bộ, Thư ký Công ty, người phụ trách quản trị công ty, người được ủy quyền CBTT.

- **Người quản lý Công ty:** bao gồm Chủ tịch Hội đồng quản trị, thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban Tổng Giám đốc, Kế toán trưởng, Giám đốc Chi nhánh của Công ty;

- **Người có liên quan:** là cá nhân, tổ chức có quan hệ trực tiếp hoặc gián tiếp với doanh nghiệp trong các trường hợp sau đây:

a) Công ty mẹ, người quản lý và người đại diện theo pháp luật của công ty mẹ và người có thẩm quyền bổ nhiệm người quản lý của công ty mẹ;

b) Công ty con, người quản lý và người đại diện theo pháp luật của công ty con;

c) Cá nhân, tổ chức hoặc nhóm cá nhân, tổ chức có khả năng chi phối hoạt động của doanh nghiệp đó thông qua sở hữu, nắm giữ cổ phần, phần vốn góp hoặc thông qua việc ra quyết định của công ty;

d) Tổ chức, cá nhân mà trong mối quan hệ với tổ chức, cá nhân khác trực tiếp, gián tiếp kiểm soát hoặc bị kiểm soát bởi tổ chức, cá nhân đó hoặc cùng với tổ chức, cá nhân đó chịu chung một sự kiểm soát;

e) Người quản lý doanh nghiệp, người đại diện theo pháp luật, Trưởng Ban kiểm soát, Kiểm soát viên, Thành viên bộ phận Kiểm toán nội bộ, Thư ký Công ty, người phụ trách quản trị công ty, người được ủy quyền công bố thông tin;

f) Vợ, chồng, bố đẻ, mẹ đẻ, bố nuôi, mẹ nuôi, bố chồng, mẹ chồng, bố vợ, mẹ vợ, con đẻ, con nuôi, con rể, con dâu, anh ruột, chị ruột, em ruột, anh rể, em rể, chị dâu, em dâu của người quản lý công ty, người đại diện theo pháp luật, cổ đông sở hữu trên 10% số cổ phiếu có quyền biểu quyết;

g) Cá nhân là người đại diện theo ủy quyền của công ty, tổ chức quy định tại các điểm a, b và c khoản này;

h) Tổ chức, cá nhân là đại diện cho công ty trong quan hệ hợp đồng.

i) Doanh nghiệp trong đó cá nhân, công ty, tổ chức quy định tại các điểm a, b, c, d, e, f, g và h khoản này có sở hữu đến mức chi phối việc ra quyết định của công ty.

QUY CHẾ	Mã số: QC.01.06.II	Trang: 3 77
CÔNG BỐ THÔNG TIN	Lần sửa đổi: 02	Ngày văn bản:/...../2022

- **Đơn vị CBTT:** là đơn vị đầu mối chuẩn bị và thực hiện hồ sơ CBTT theo chức năng nghiệp vụ chuyên môn của đơn vị đó;
- **Đơn vị có liên quan:** là đơn vị được giao nhiệm vụ hỗ trợ, phối hợp, cung cấp tài liệu phục vụ việc CBTT cho Đơn vị CBTT hoặc kiểm soát hồ sơ CBTT;
- **Ngày CBTT:** là ngày thông tin xuất hiện trên một trong các phương tiện công bố thông tin quy định tại khoản 8.1 Điều 8 Quy chế này;
- **Ngày báo cáo:** là ngày gửi fax, gửi qua thư điện tử, ngày thông tin được tiếp nhận trên hệ thống thông tin điện tử của UBCKNN, SGDCK hoặc ngày UBCKNN, SGDCK nhận được văn bản báo cáo về việc CBTT tùy theo thời điểm nào đến trước;
- **Ngày thực hiện giao dịch chứng khoán** được xác định như sau:
 - a) Là ngày đặt lệnh giao dịch trong trường hợp giao dịch thực hiện qua SGDCK;
 - b) Là ngày đăng ký thực hiện giao dịch quyền mua, đăng ký thực hiện quyền chuyển đổi trái phiếu thành cổ phiếu trong trường hợp thực hiện quyền mua, quyền chuyển đổi trái phiếu;
 - c) Là ngày các bên đề nghị chuyển quyền sở hữu chứng khoán trong trường hợp giao dịch thực hiện qua Tổng công ty lưu ký và bù trừ chứng khoán Việt Nam;
 - d) Là ngày nộp phiếu tham dự đấu giá trong trường hợp thực hiện giao dịch qua phương thức đấu giá;
 - đ) Là ngày các bên đề nghị chuyển nhượng tại tổ chức phát hành trong trường hợp giao dịch không thực hiện qua TTLK và không thực hiện qua SGDCK.
- **Ngày hoàn tất giao dịch chứng khoán** được xác định như sau:
 - a) Là ngày kết thúc việc thanh toán giao dịch trong trường hợp giao dịch thực hiện qua SGDCK;
 - b) Là ngày kết thúc việc thanh toán giao dịch trong trường hợp giao dịch thực hiện quyền mua;
 - c) Là ngày hoàn tất việc chuyển đổi trái phiếu thành cổ phiếu theo thông báo của tổ chức phát hành;
 - d) Là ngày hiệu lực chuyển quyền sở hữu chứng khoán tại TTLK trong trường hợp giao dịch thực hiện qua TTLK;
 - đ) Là ngày kết thúc việc thanh toán tiền mua cổ phần theo thông báo của tổ chức thực hiện bán đấu giá cổ phần trong trường hợp thực hiện giao dịch qua phương thức đấu giá;
 - e) Là ngày tổ chức phát hành xác nhận hiệu lực của việc chuyển nhượng chứng khoán trong trường hợp giao dịch không thực hiện qua TTLK và không thực hiện qua SGDCK.

Điều 6. Nguyên tắc thực hiện

6.1. Việc CBTT phải đầy đủ, chính xác, kịp thời theo quy định pháp luật hiện hành về chứng khoán, thị trường chứng khoán, các quy định pháp luật liên quan. Việc công bố các thông tin

QUY CHẾ	Mã số: QC.01.06.II	Trang: 4 77
CÔNG BỐ THÔNG TIN	Lần sửa đổi: 02	Ngày văn bản:/...../2022

cá nhân bao gồm: Căn cước công dân/ Chứng minh nhân dân/ Chứng minh quân nhân/ Hộ chiếu còn hiệu lực, địa chỉ liên lạc, địa chỉ thường trú, số điện thoại, số fax, thư điện tử, số tài khoản giao dịch chứng khoán, số tài khoản lưu ký chứng khoán, số tài khoản ngân hàng, mã số giao dịch của nhà đầu tư nước ngoài, tổ chức kinh tế có vốn đầu tư nước ngoài sở hữu trên 50% vốn điều lệ chỉ được thực hiện nếu cá nhân đó đồng ý.

6.2. Người CBTT/Người được ủy quyền CBTT phải chịu trách nhiệm về nội dung thông tin công bố trước pháp luật. Đơn vị CBTT, Đơn vị có liên quan phải chịu trách nhiệm trước Người CBTT/Người được ủy quyền CBTT về nội dung CBTT, tài liệu cung cấp cho việc CBTT. Trường hợp có sự thay đổi nội dung thông tin đã công bố, Đơn vị CBTT phải công bố nội dung thay đổi và gửi công văn kèm theo thông tin đính chính đến UBCKNN, Sở GDCK nơi có nghĩa vụ CBTT.

6.3. Khi CBTT phải đồng thời báo cáo UBCKNN và SGDCK nơi chứng khoán đó niêm yết, đăng ký giao dịch về nội dung thông tin công bố, bao gồm đầy đủ các thông tin theo quy định. Trường hợp thông tin công bố bao gồm các thông tin cá nhân quy định tại khoản 6.1 Điều này và các đối tượng CBTT không đồng ý công khai các thông tin này thì phải gửi UBCKNN và SGDCK 02 bản tài liệu, trong đó 01 bản bao gồm đầy đủ thông tin cá nhân và 01 bản không bao gồm thông tin cá nhân để UBCKNN và SGDCK thực hiện công khai thông tin.

6.4. Khi CBTT bất thường, Công ty phải nêu rõ sự kiện xảy ra, nguyên nhân và các giải pháp khắc phục (nếu có).

6.5. Việc CBTT của Công ty phải do Người CBTT hoặc Người được ủy quyền CBTT thực hiện. Việc CBTT của cá nhân do cá nhân tự thực hiện hoặc ủy quyền cho tổ chức hoặc cá nhân khác thực hiện.

6.6. Các Đơn vị CBTT có trách nhiệm bảo quản, lưu giữ thông tin đã công bố, báo cáo theo quy định tại Quy chế này như sau:

a) Các thông tin công bố định kỳ, thông tin về việc đăng ký công ty đại chúng phải được lưu giữ dưới dạng văn bản (nếu có) và dữ liệu điện tử tối thiểu 10 năm. Các thông tin này phải được lưu giữ và truy cập được trên trang thông tin điện tử của Công ty tối thiểu là 05 năm;

b) Các thông tin công bố bất thường, theo yêu cầu hoặc các hoạt động khác phải được lưu giữ và truy cập được trên trang thông tin điện tử của Công ty tối thiểu là 05 năm.

6.7. Thông tin công bố phải đảm bảo thống nhất về dữ liệu và được cung cấp từ các đơn vị có liên quan;

QUY CHẾ	Mã số: QC.01.06.II	Trang: 5 77
CÔNG BỐ THÔNG TIN	Lần sửa đổi: 02	Ngày văn bản:/...../2022

6.8. Đối với các CBTT bất thường cần sự chấp thuận của Đại hội đồng cổ đông/HĐQT theo quy định pháp luật, Công ty gửi cho UBCKNN, SGDCK Nghị quyết/Quyết định của Đại hội đồng cổ đông/HĐQT (kèm theo Biên bản Đại hội đồng cổ đông/HĐQT hoặc Biên bản kiểm phiếu đối với trường hợp lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản);

6.9. Ngôn ngữ thông tin công bố trên thị trường chứng khoán là tiếng Việt.

Điều 7. Người thực hiện công bố thông tin

Việc CBTT của Công ty do Người CBTT hoặc Người được ủy quyền CBTT thực hiện:

- Người đại diện theo pháp luật phải chịu trách nhiệm về tính đầy đủ, chính xác và kịp thời về thông tin do người được ủy quyền CBTT công bố. Trường hợp phát sinh sự kiện CBTT mà tất cả Người đại diện theo pháp luật và Người được ủy quyền CBTT đều vắng mặt thì thành viên giữ chức vụ cao nhất của Ban Điều hành có trách nhiệm thay thế thực hiện CBTT.

- Công ty phải báo cáo, báo cáo lại thông tin về người thực hiện CBTT cho UBCKNN và SGDCK trong thời hạn 24 giờ kể từ khi việc chỉ định, ủy quyền hoặc thay đổi người thực hiện CBTT có hiệu lực. Nội dung thông tin báo cáo về người thực hiện CBTT bao gồm: Giấy ủy quyền CBTT tin theo mẫu quy định tại Phụ lục 01 ban hành kèm theo Quy chế này, Bản cung cấp thông tin theo mẫu quy định tại Phụ lục 02 ban hành kèm theo Quy chế này.

Điều 8. Phương tiện công bố thông tin

8.1. Các phương tiện CBTT:

- a) Trang thông tin điện tử (website) của Công ty;
- b) Hệ thống CBTT của UBCKNN;
- c) Trang thông tin điện tử của SGDCK, phương tiện CBTT khác theo Quy chế của SGDCK;
- d) Trang thông tin điện tử của TTLK;
- đ) Các phương tiện thông tin đại chúng khác theo quy định pháp luật (báo in, báo điện tử...).

Trường hợp không thể gửi thông tin công bố qua hệ thống công bố thông tin điện tử vì lý do bất khả kháng như hệ thống mạng, máy chủ gặp sự cố, không thể sử dụng chứng thư số, tạm ngưng hoạt động theo yêu cầu của cấp có thẩm quyền ..., Đơn vị thực hiện CBTT có trách nhiệm gửi thông tin công bố bằng văn bản qua đường bưu điện hoặc nộp trực tiếp tại SGDCK nơi có nghĩa vụ CBTT đồng thời gửi bản dữ liệu điện tử qua thư điện tử đúng thời hạn quy định và thông báo ngay cho SGDCK nơi có nghĩa vụ CBTT biết lý do không thể thực hiện gửi thông tin công bố qua hệ thống CBTT điện tử để SGDCK hướng dẫn hoặc khắc phục sự cố (nếu cần).

QUY CHẾ	Mã số: QC.01.06.II	Trang: 6 77
CÔNG BỐ THÔNG TIN	Lần sửa đổi: 02	Ngày văn bản:/...../2022

8.2. Quy định về trang thông tin điện tử của Công ty:

a) Khi Công ty có thay đổi địa chỉ trang thông tin điện tử phải báo cáo với UBCKNN, SGDCK và công khai mọi thay đổi liên quan đến địa chỉ này trong thời hạn 03 ngày làm việc, kể từ ngày hoàn tất việc thay đổi;

b) Trang thông tin điện tử của Công ty phải có các nội dung về ngành, nghề kinh doanh và các nội dung phải thông báo công khai trên Cổng thông tin quốc gia về đăng ký doanh nghiệp theo quy định của Luật doanh nghiệp và mọi thay đổi liên quan tới các nội dung này; chuyên mục riêng về quan hệ cổ đông (nhà đầu tư), trong đó phải công bố Điều lệ công ty, Quy chế CBTT, Quy chế nội bộ về quản trị Công ty (nếu có), Quy chế hoạt động HĐQT, Ban Kiểm soát (nếu có), Bản cáo bạch (nếu có), các thông tin công bố định kỳ, bất thường, theo yêu cầu và các hoạt động khác quy định tại Quy chế này;

c) Trang thông tin điện tử phải hiển thị thời gian đăng tải thông tin, đồng thời phải đảm bảo nhà đầu tư có thể dễ dàng tìm kiếm và tiếp cận được các dữ liệu trên trang thông tin điện tử đó.

8.3. Trường hợp nghĩa vụ CBTT phát sinh vào ngày nghỉ, ngày lễ theo quy định pháp luật, Công ty thực hiện CBTT trên phương tiện quy định tại khoản 8.1 Điều này và thực hiện đầy đủ nghĩa vụ CBTT theo quy định pháp luật vào ngày làm việc liền sau ngày nghỉ, ngày lễ.

8.4. Việc CBTT trên hệ thống CBTT của UBCKNN, trang thông tin điện tử của SGDCK thực hiện theo hướng dẫn của UBCKNN, SGDCK.

8.5. Công ty không phải gửi bản giấy để báo cáo UBCKNN, SGDCK trong trường hợp các tài liệu đã được thực hiện công bố trên các phương tiện báo cáo, công bố theo quy định tại điểm a, b, c, khoản 8.1, điều này và đảm bảo tuân thủ quy định pháp luật về văn bản điện tử.

Điều 9. Thay đổi, tạm hoãn công bố thông tin

9.1. Thay đổi thông tin công bố:

Trường hợp có sự thay đổi nội dung thông tin đã công bố, các Đơn vị có liên quan phải:

- (i) Thông báo cho Đơn vị CBTT;
- (ii) Có văn bản giải trình chuyển phòng KTKSNB kiểm soát, trình Người CBTT hoặc Người được ủy quyền CBTT phê duyệt, đảm bảo những thông tin phải CBTT theo quy định trong vòng 24 giờ được CBTT đúng thời hạn.
- (iii) Chuyển phòng TCHC/phòng KTTC thực hiện CBTT theo quy định.

QUY CHẾ	Mã số: QC.01.06.II	Trang: 7 77
CÔNG BỐ THÔNG TIN	Lần sửa đổi: 02	Ngày văn bản:/...../2022

9.2. Tạm hoãn công bố thông tin

9.2.1. Công ty được tạm hoãn CBTT trong trường hợp vì lý do bất khả kháng như: Thiên tai, hỏa hoạn, chiến tranh, dịch bệnh và các lý do bất khả kháng khác. Công ty phải báo cáo UBCKNN, SGDCK về việc tạm hoãn CBTT ngay khi xảy ra sự kiện (trong đó nêu rõ lý do của việc tạm hoãn CBTT), đồng thời công bố về việc tạm hoãn CBTT.

9.2.2. Ngay sau khi đã khắc phục được tình trạng bất khả kháng, đối tượng CBTT có trách nhiệm công bố đầy đủ các thông tin mà trước đó chưa công bố theo quy định pháp luật.

Điều 10. Nội dung thông tin công bố, thời gian CBTT, Đơn vị CBTT

QUY CHẾ	Mã số: QC.01.06.II	Trang: 8 77
CÔNG BỐ THÔNG TIN	Lần sửa đổi: 02	Ngày văn bản:/..../2022

STT	Loại thông tin công bố	Thời gian thực hiện	Đơn vị CBTT	Ghi chú
I	Công bố thông tin định kỳ			
1	BCTC năm đã được kiểm toán bởi tổ chức kiểm toán được chấp thuận	Trong thời hạn 10 ngày kể từ ngày tổ chức kiểm toán ký báo cáo kiểm toán nhưng không vượt quá 90 ngày kể từ ngày kết thúc năm tài chính	KTTC	- BCTC phải bao gồm đầy đủ các báo cáo, phụ lục, thuyết minh theo quy định pháp luật về kế toán doanh nghiệp; - BCTC năm đã được kiểm toán bao gồm cả báo cáo kiểm toán về báo cáo tài chính đó và văn bản giải trình của Công ty trong trường hợp tổ chức kiểm toán đưa ra ý kiến không phải là ý kiến chấp nhận toàn phần đối với báo cáo tài chính.
2	BCTC bán niên đã được soát xét	Trong thời hạn 05 ngày, kể từ ngày tổ chức kiểm toán ký báo cáo soát xét nhưng không vượt quá 45 ngày, kể từ ngày kết thúc 06 tháng đầu năm tài chính	KTTC	- BCTC giữa niên dạng đầy đủ theo Chuẩn mực kế toán “BCTC giữa niên độ”; - BCTC bán niên phải được soát xét theo Chuẩn mực về công tác soát xét BCTC; - CBTT đầy đủ toàn văn BCTC bán niên, kèm theo kết luận soát xét và văn bản giải trình của Công ty trong trường hợp kết luận soát xét không phải là kết luận chấp nhận toàn phần.
3	BCTC quý hoặc BCTC quý đã được soát xét (nếu có)	- BCTC quý trong thời hạn 20 ngày kể từ ngày kết thúc quý; - BCTC quý được soát xét (nếu có) trong thời hạn 05	KTTC	- BCTC giữa niên độ dạng đầy đủ theo Chuẩn mực kế toán “BCTC giữa niên độ”; - Toàn văn BCTC quý hoặc BCTC quý đã được soát xét (nếu có) phải được công bố đầy

QUY CHẾ	Mã số: QC.01.06.II	Trang: 9 77
CÔNG BỐ THÔNG TIN	Lần sửa đổi: 02	Ngày sửa đổi:/.../2022

STT	Loại thông tin công bố	Thời gian thực hiện	Đơn vị CBTT	Ghi chú
		ngày, kể từ ngày tổ chức kiểm toán ký báo cáo soát xét nhưng không vượt quá 45 ngày, kể từ ngày kết thúc quý		đủ, kèm theo kết luận soát xét và văn bản giải trình của Công ty trong trường hợp BCTC quý được soát xét có kết luận soát xét không phải là kết luận chấp nhận toàn phần; - Công ty đã thực hiện công bố BCTC quý đã được soát xét trong thời hạn quy định của BCTC quý thì không phải thực hiện công bố BCTC quý.
4	Báo cáo tỷ lệ an toàn tài chính tại ngày 30/6 đã được soát xét và tại thời điểm 31/12 đã được kiểm toán bởi tổ chức kiểm toán được chấp thuận	Cùng thời điểm với việc công bố BCTC bán niên đã được soát xét và BCTC năm đã được kiểm toán	KTTC	
<i>* Khi CBTT các BCTC nêu tại khoản 1, 2, 3 mục I điều này, Công ty phải đồng thời giải trình nguyên nhân khi xảy ra một trong các trường hợp sau:</i> - Lợi nhuận sau thuế thu nhập Công ty tại báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh của kỳ báo cáo thay đổi từ 10% trở lên so với báo cáo cùng kỳ năm trước; - Lợi nhuận sau thuế trong kỳ báo cáo bị lỗ, chuyển từ lãi ở báo cáo cùng kỳ năm trước sang lỗ ở kỳ này hoặc ngược lại; - Lợi nhuận sau thuế trong kỳ báo cáo có sự chênh lệch trước và sau kiểm toán hoặc soát xét từ 5% trở lên, chuyển từ lỗ sang lãi hoặc ngược lại.				
5	Báo cáo thường niên	Trong thời hạn 20 ngày kể từ ngày công bố BCTC năm được kiểm toán nhưng không vượt quá 110 ngày, kể từ ngày kết thúc năm tài chính	TVTCDN	- Mẫu quy định tại Phụ lục số 03 - Thông tin tài chính trong báo cáo thường niên phải phù hợp với BCTC năm được kiểm toán

QUY CHẾ	Mã số: QC.01.06.II	Trang: 10 77
CÔNG BỐ THÔNG TIN	Lần sửa đổi: 02	Ngày sửa đổi:/.../2022

STT	Loại thông tin công bố	Thời gian thực hiện	Đơn vị CBTT	Ghi chú
6	Báo cáo tình hình quản trị công ty	Trong thời hạn 30 ngày, kể từ ngày kết thúc 06 tháng đầu năm và kết thúc năm dương lịch	VP HĐQT	- Mẫu quy định tại Phụ lục số 04 - 01 bản thông tin đầy đủ; - 01 bản không có thông tin cá nhân theo khoản 6.1 Điều 6.
7	Thông tin về Đại hội đồng cổ đông thường niên		TVTCĐN + VP HĐQT	
7.1	Họp Đại hội đồng cổ đông	Tối thiểu 21 ngày trước ngày khai mạc họp Đại hội cổ đông nếu Điều lệ Công ty không quy định thời hạn dài hơn	TVTCĐN + VP HĐQT	Đường dẫn đến toàn bộ tài liệu họp Đại hội đồng cổ đông, bao gồm: Thông báo mời họp, chương trình họp, phiếu biểu quyết, tài liệu sử dụng trong cuộc họp và dự thảo nghị quyết đối với từng vấn đề trong chương trình họp. Tài liệu họp Đại hội đồng cổ đông phải được cập nhật các nội dung sửa đổi, bổ sung (nếu có).
7.2	Biên bản, Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên	Trong vòng 24 giờ, kể từ khi kết thúc Đại hội đồng cổ đông thường niên	TVTCĐN + VP HĐQT	Bao gồm cả các tài liệu kèm theo trong biên bản, nghị quyết (nếu có)
8	Công ty là tổ chức phát hành trái phiếu doanh nghiệp ra công chúng			
8.1	CBTT về BCTC năm đã được kiểm toán bởi tổ chức kiểm toán được chấp thuận, và	Theo điểm 1, 5, 7.2 mục I, kể từ khi kết thúc đợt chào bán trái phiếu ra công chúng cho	KTTC	
	Báo cáo thường niên		TVTCĐN	

QUY CHẾ	Mã số: QC.01.06.II	Trang: 11 77
CÔNG BỐ THÔNG TIN	Lần sửa đổi: 02	Ngày sửa đổi:/.../2022

STT	Loại thông tin công bố	Thời gian thực hiện	Đơn vị CBTT	Ghi chú
	<i>Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên</i>	<i>đến khi hoàn tất thanh toán trái phiếu</i>	<i>TVTCDN + VP HDQT</i>	
8.2	<i>Trường hợp huy động vốn để thực hiện các dự án đầu tư, tổ chức phát hành trái CBTT định kỳ về báo cáo sử dụng vốn thu được từ đợt chào bán đã được kiểm toán, báo cáo tiến độ sử dụng vốn kể từ khi kết thúc đợt chào bán trái phiếu ra công chúng cho đến khi thanh toán trái phiếu hoặc giải ngân hết số tiền đã huy động vốn tùy theo thời điểm nào đến trước, cụ thể như sau:</i> <i>- Công ty phải thuyết minh chi tiết việc sử dụng vốn thu được từ đợt chào bán trong BCTC năm được kiểm toán xác nhận hoặc công bố đồng thời báo cáo sử dụng vốn thu được từ đợt chào bán đã được kiểm toán xác nhận cùng BCTC năm được kiểm toán và báo cáo tại Đại hội đồng cổ đông thường niên;</i> <i>- CBTT về tiến độ sử dụng vốn thu được từ đợt chào bán</i>	<i>Định kỳ 06 tháng, trong thời hạn 05 ngày làm việc, kể từ ngày kết thúc kỳ báo cáo</i>	<i>KDV</i>	
8.3	<i>CBTT tình hình thanh toán gốc, lãi trái phiếu</i>	<i>Trong thời hạn 30 ngày, kể từ ngày kết thúc 06 tháng đầu</i>	<i>TVTCDN</i>	<i>Phụ lục 05</i>

QUY CHẾ	Mã số: QC.01.06.II	Trang: 12 77
CÔNG BỐ THÔNG TIN	Lần sửa đổi: 02	Ngày sửa đổi:/.../2022

STT	Loại thông tin công bố	Thời gian thực hiện	Đơn vị CBTT	Ghi chú
		<i>năm và kết thúc năm dương lịch</i>		
8.4	<i>Trường hợp phát hành trái phiếu chuyển đổi không bắt buộc, Công ty phải gửi thư thông báo tới từng trái chủ và thực hiện CBTT về thời gian, tỷ lệ, giá, địa điểm đăng ký chuyển đổi</i>	<i>Tối thiểu 01 tháng trước ngày chuyển đổi trái phiếu</i>	<i>KDV</i>	
II	Công bố thông tin bất thường			Phụ lục 08
1	Tài khoản của Công ty tại Ngân hàng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài bị phong tỏa theo yêu cầu của cơ quan có thẩm quyền hoặc khi Công ty cung ứng dịch vụ thanh toán phát hiện có dấu hiệu gian lận, vi phạm pháp luật liên quan đến tài khoản thanh toán; tài khoản được phép hoạt động trở lại sau khi phong tỏa trong các trường hợp quy định tại điểm này	Trong vòng 24 giờ, kể từ khi sự kiện diễn ra	KTTC	
2	Khi nhận được văn bản của cơ quan nhà nước có thẩm quyền hoặc khi Công ty có quyết định về: - Tạm ngừng một phần hoặc toàn bộ hoạt động kinh doanh; - Thay đổi nội dung đăng ký doanh nghiệp; - Thu hồi Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp;	Trong vòng 24 giờ, kể từ khi sự kiện diễn ra	TCHC	Phụ lục 13

QUY CHẾ	Mã số: QC.01.06.II	Trang: 13 77
CÔNG BỐ THÔNG TIN	Lần sửa đổi: 02	Ngày sửa đổi:/.../2022

STT	Loại thông tin công bố	Thời gian thực hiện	Đơn vị CBTT	Ghi chú
	- Sửa đổi, bổ sung hoặc bị đình chỉ, thu hồi Giấy phép thành lập và hoạt động.			
3	- Thông qua quyết định của Đại hội đồng cổ đông bất thường. - Trường hợp Đại hội đồng cổ đông thông qua việc hủy niêm yết, CBTT về việc hủy niêm yết kèm theo tỷ lệ thông qua của cổ đông không phải là cổ đông lớn	Trong vòng 24 giờ, kể từ khi sự kiện diễn ra	TVTCĐN + VP HĐQT	Tài liệu công bố bao gồm: - Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông; - Biên bản họp; - Tài liệu kèm theo biên bản, nghị quyết hoặc biên bản kiểm phiếu (trong trường hợp lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản).
4	Quyết định mua lại cổ phiếu của Công ty hoặc bán cổ phiếu quỹ	Trong vòng 24 giờ, kể từ khi sự kiện diễn ra	TD&BLPH	
5	- Ngày thực hiện quyền mua cổ phần của người sở hữu trái phiếu kèm theo quyền mua cổ phần hoặc ngày thực hiện chuyển đổi trái phiếu chuyển đổi thành cổ phiếu; - Quyết định chào bán chứng khoán ra nước ngoài và các quyết định liên quan đến việc chào bán, phát hành chứng khoán	Trong vòng 24 giờ, kể từ khi sự kiện diễn ra	Đơn vị đầu mối thực hiện việc phát hành/chào bán	
6	- Quyết định về mức cổ tức, hình thức trả cổ tức, thời gian trả cổ tức; - Quyết định tách, gộp cổ phiếu	Trong vòng 24 giờ, kể từ khi sự kiện diễn ra	TVTCĐN + VP HĐQT	

QUY CHẾ	Mã số: QC.01.06.II	Trang: 14 77
CÔNG BỐ THÔNG TIN	Lần sửa đổi: 02	Ngày sửa đổi:/.../2022

STT	Loại thông tin công bố	Thời gian thực hiện	Đơn vị CBTT	Ghi chú
7	Quyết định về việc: - Tổ chức lại Công ty (chia, tách, hợp nhất, sáp nhập, chuyển đổi loại hình Công ty), giải thể, phá sản Công ty; - Thay đổi mã số thuế, tên Công ty, con dấu của Công ty; - Thay đổi địa điểm, thành lập mới hoặc đóng cửa trụ sở chính, chi nhánh, phòng giao dịch;	Trong vòng 24 giờ, kể từ khi sự kiện diễn ra	TCHC	
	- Chiến lược, kế hoạch phát triển trung hạn và kế hoạch kinh doanh hàng năm của Công ty	Trong vòng 24 giờ, kể từ khi sự kiện diễn ra	TVTCDN + VP HĐQT	
8	Quyết định ban hành, sửa đổi, bổ sung Điều lệ Công ty	Trong vòng 24 giờ, kể từ khi sự kiện diễn ra	TVTCDN + VP HĐQT	
9	- Quyết định thay đổi kỳ kế toán, chính sách kế toán áp dụng (trừ trường hợp thay đổi chính sách kế toán áp dụng do thay đổi quy định pháp luật); - Thông báo doanh nghiệp kiểm toán đã ký hợp đồng kiểm toán báo cáo tài chính năm hoặc thay đổi doanh nghiệp kiểm toán (sau khi đã ký hợp đồng);	Trong vòng 24 giờ, kể từ khi sự kiện diễn ra	KTTC	

QUY CHẾ		Mã số: QC.01.06.II	Trang: 1 5 77
CÔNG BỐ THÔNG TIN		Lần sửa đổi: 02	Ngày sửa đổi:/.../2022

STT	Loại thông tin công bố	Thời gian thực hiện	Đơn vị CBTT	Ghi chú
	- Việc hủy hợp đồng kiểm toán đã ký.			
10	- Quyết định tham gia góp vốn thành lập, mua đề tăng sở hữu trong một công ty dẫn đến công ty đó trở thành công ty con, công ty liên kết hoặc bán đề giảm sở hữu tại công ty con, công ty liên kết dẫn đến công ty đó không còn là công ty con, công ty liên kết hoặc giải thể công ty con, công ty liên kết.	Trong vòng 24 giờ, kể từ khi sự kiện diễn ra	TD&BLPH	
11	Quyết định của Đại hội đồng cổ đông hoặc Hội đồng quản trị thông qua hợp đồng, giao dịch giữa Công ty với người nội bộ, người có liên quan của người nội bộ hoặc người có liên quan của Công ty đại chúng	Trong vòng 24 giờ, kể từ khi sự kiện diễn ra	Đơn vị đầu mối thực hiện hợp đồng	
12	Khi có sự thay đổi số cổ phiếu có quyền biểu quyết:			Phụ lục 12
	- Trường hợp Công ty phát hành thêm cổ phiếu hoặc chuyển đổi trái phiếu, cổ phiếu ưu đãi thành cổ phiếu	Trong vòng 24 giờ, kể từ khi sự kiện diễn ra	Đơn vị đầu mối thực hiện việc phát hành hoặc chuyển đổi trái phiếu, cổ phiếu	Tính từ thời điểm Công ty báo cáo UBCKNN về kết quả phát hành, kết quả chuyển đổi theo quy định của pháp luật về phát hành chứng khoán

QUY CHẾ	Mã số: QC.01.06.II	Trang: 6 77
CÔNG BỐ THÔNG TIN	Lần sửa đổi: 02	Ngày sửa đổi:/.../2022

STT	Loại thông tin công bố	Thời gian thực hiện	Đơn vị CBTT	Ghi chú
	- Trường hợp Công ty mua lại cổ phiếu của chính mình hoặc bán cổ phiếu quỹ	Trong vòng 24 giờ, kể từ khi sự kiện diễn ra	TD&BLPH	Tính từ thời điểm Công ty báo cáo kết quả giao dịch theo quy định pháp luật về mua lại cổ phiếu của chính mình, bán cổ phiếu quỹ
	- Trường hợp Công ty mua lại cổ phiếu của người lao động theo quy chế phát hành cổ phiếu cho người lao động của Công ty hoặc mua lại cổ phiếu lô lẻ theo yêu cầu của cổ đông; Công ty mua lại cổ phiếu của chính mình để sửa lỗi giao dịch hoặc mua lại cổ phiếu lô lẻ	Trong thời hạn 10 ngày đầu tiên của tháng trên cơ sở các giao dịch đã hoàn tất và cập nhật đến ngày CBTT	TD&BLPH	
13	Công ty thay đổi, bổ nhiệm mới, bổ nhiệm lại, bãi nhiệm người nội bộ; nhận được đơn xin từ chức của người nội bộ (Công ty cần nêu rõ về thời điểm hiệu lực theo quy định tại Luật Doanh nghiệp và Điều lệ Công ty)	Trong vòng 24 giờ, kể từ khi sự kiện diễn ra	TCHC	- Thực hiện CBTT theo mẫu Phụ lục 09 và gửi kèm Bản cung cấp thông tin người nội bộ mới theo mẫu Phụ lục 02 - Gửi cho UBCKNN, SGDCK Nghị quyết/Quyết định của Đại hội đồng cổ đông/HĐQT hoặc Biên bản kiểm phiếu đối với trường hợp lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản hoặc Quyết định thay đổi, bổ nhiệm mới, bổ nhiệm lại, bãi nhiệm nhân sự; - Danh sách người nội bộ và người có liên quan theo mẫu Phụ lục 10 - Gửi cho SGDCK thêm các giấy tờ sau (trong vòng 03 ngày làm việc kể từ ngày CBTT):

QUY CHẾ	Mã số: QC.01.06.II	Trang: 17 77
CÔNG BỐ THÔNG TIN	Lần sửa đổi: 02	Ngày sửa đổi:/.../2022

STT	Loại thông tin công bố	Thời gian thực hiện	Đơn vị CBTT	Ghi chú
				+ Thẻ căn cước công dân/Chứng minh nhân dân/Hộ chiếu; + Chứng chỉ hành nghề chứng khoán (nếu có); + Bản thông tin cá nhân
14	Quyết định mua, bán tài sản hoặc thực hiện các giao dịch có giá trị lớn hơn 15% tổng tài sản của Công ty căn cứ vào báo cáo tài chính gần nhất được kiểm toán hoặc báo cáo tài chính 06 tháng gần nhất được soát xét	Trong vòng 24 giờ, kể từ khi sự kiện diễn ra	Đơn vị đầu mỗi thực hiện giao dịch	
15	Khi nhận được quyết định khởi tố đối với Công ty, người nội bộ của Công ty; tạm giam, truy cứu trách nhiệm hình sự đối với người nội bộ của Công ty	Trong vòng 24 giờ, kể từ khi sự kiện diễn ra	TCHC	
16	Khi nhận được bản án, quyết định đã có hiệu lực pháp luật của Tòa án liên quan đến hoạt động của Công ty	Trong vòng 24 giờ, kể từ khi sự kiện diễn ra	TCHC	
17	Quyết định xử phạt vi phạm pháp luật về thuế	Trong vòng 24 giờ, kể từ khi sự kiện diễn ra	KTTC	
18	Công ty nhận được thông báo của Tòa thụ lý đơn yêu cầu mở thủ tục phá sản Công ty	Trong vòng 24 giờ, kể từ khi sự kiện diễn ra	TCHC	
19	Công ty nhận biết được sự kiện, thông tin làm ảnh hưởng đến giá chứng khoán của chính Công ty,	Trong vòng 24 giờ, kể từ khi sự kiện diễn ra	Đơn vị được Người CBTT phân công	

QUY CHẾ	Mã số: QC.01.06.II	Trang: 18 77
CÔNG BỐ THÔNG TIN	Lần sửa đổi: 02	Ngày sửa đổi:/.../2022

STT	Loại thông tin công bố	Thời gian thực hiện	Đơn vị CBTT	Ghi chú
	Công ty phải xác nhận hoặc đính chính về sự kiện, thông tin đó			
20	Khi xảy ra các sự kiện có ảnh hưởng lớn đến hoạt động sản xuất, kinh doanh hoặc tình hình quản trị của Công ty	Trong vòng 24 giờ, kể từ khi sự kiện diễn ra	Đơn vị được Người CBTT phân công	
21	- Quyết định của UBCKNN về chào bán và niêm yết chứng khoán tại nước ngoài. - Được chấp thuận hoặc hủy bỏ niêm yết tại Sở giao dịch Chứng khoán nước ngoài.	Trong vòng 24 giờ, kể từ khi sự kiện diễn ra	TVTCDN + VP HĐQT	
22	Thông tin về Đại hội đồng cổ đông bất thường		TVTCDN + VP HĐQT	
22.1	Họp Đại hội đồng cổ đông	Tối thiểu 21 ngày trước ngày khai mạc họp Đại hội cổ đông nếu Điều lệ Công ty không quy định thời hạn dài hơn	TVTCDN + VP HĐQT	Đường dẫn đến toàn bộ tài liệu họp Đại hội đồng cổ đông, bao gồm: Thông báo mời họp, chương trình họp, phiếu biểu quyết, tài liệu sử dụng trong cuộc họp và dự thảo nghị quyết đối với từng vấn đề trong chương trình họp. Tài liệu họp Đại hội đồng cổ đông phải được cập nhật các nội dung sửa đổi, bổ sung (nếu có).
22.2	Biên bản, Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông bất thường	Trong vòng 24 giờ, kể từ khi kết thúc Đại hội đồng cổ đông bất thường	TVTCDN + VP HĐQT	Bao gồm cả các tài liệu kèm theo trong biên bản, nghị quyết (nếu có)

QUY CHẾ	Mã số: QC.01.06.II	Trang: 19 77
CÔNG BỐ THÔNG TIN	Lần sửa đổi: 02	Ngày sửa đổi:/.../2022

STT	Loại thông tin công bố	Thời gian thực hiện	Đơn vị CBTT	Ghi chú
22.3	Trường hợp Đại hội đồng cổ đông thông qua Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông dưới hình thức lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản	Tối thiểu 10 ngày trước thời hạn phải gửi lại phiếu lấy ý kiến nếu Điều lệ Công ty không quy định thời hạn khác dài hơn	TVTCDN + VP HĐQT	Gửi đồng thời với thời gian CBTT cho tất cả các cổ đông phiếu lấy ý kiến, dự thảo nghị quyết Đại hội đồng cổ đông và các tài liệu giải trình dự thảo nghị quyết
23	Ngày đăng ký cuối cùng thực hiện quyền cho cổ đông hiện hữu		TVTCDN + VP HĐQT	
23.1	Ngày đăng ký cuối cùng dự kiến thực hiện quyền cho cổ đông hiện hữu	Tối thiểu trước 10 ngày trước ngày đăng ký cuối cùng dự kiến, trừ trường hợp quy định tại điểm 23.2 khoản này	TVTCDN + VP HĐQT	- Nghị quyết/Quyết định về ngày đăng ký cuối cùng, ngày thực hiện quyền cho cổ đông hiện hữu; - Thông báo của Công ty về ngày đăng ký cuối cùng thực hiện quyền theo mẫu quy định của TTLKCK;
23.2	Ngày đăng ký cuối cùng dự kiến thực hiện quyền cho cổ đông hiện hữu để tham dự họp Đại hội đồng cổ đông	Tối thiểu 20 ngày trước ngày đăng ký cuối cùng dự kiến	TVTCDN + VP HĐQT	- Các tài liệu là căn cứ pháp lý có liên quan (nếu có)
23.3	Trường hợp hủy nội dung thông báo về ngày đăng ký cuối cùng thực hiện quyền liên quan đến tỷ lệ thực hiện và ngày đăng ký cuối cùng đối với các trường hợp phát hành cổ phiếu cho cổ đông hiện hữu và các trường hợp liên quan đến việc điều chỉnh giá tham chiếu tại ngày giao dịch không hưởng quyền theo Quy chế hướng dẫn giao dịch	Chậm nhất 05 ngày làm việc trước ngày đăng ký cuối cùng	TVTCDN + VP HĐQT	

QUY CHẾ	Mã số: QC.01.06.II	Trang: 20 77
CÔNG BỐ THÔNG TIN	Lần sửa đổi: 02	Ngày sửa đổi:/.../2022

STT	Loại thông tin công bố	Thời gian thực hiện	Đơn vị CBTT	Ghi chú
	chứng khoán của SGDCK, Công ty CBTT và gửi thông báo cho SGDCK nêu rõ lý do hủy			
23.4	Công ty gửi cho SGDCK các tài liệu sau: - Một (01) bản tóm tắt số cổ đông của Công ty tại ngày đăng ký cuối cùng để thực hiện quyền - Một (01) bản dữ liệu điện tử định dạng excel danh sách cổ đông tại ngày chốt danh sách thực hiện quyền	Trong vòng 15 ngày kể từ ngày đăng ký cuối cùng	TVTCDN + VP HĐQT	
24	Báo cáo SGDCK về Danh sách cổ đông nhà nước, cổ đông chiến lược, cổ đông lớn và cổ phiếu quỹ Công ty và dữ liệu điện tử	- Báo cáo Quý 1 năm dương lịch: căn cứ trên danh sách cổ đông được chốt đến thời điểm gần nhất trước ngày 28 của tháng 02 và gửi cho SGDCK chậm nhất là ngày 10 của tháng 03 - Báo cáo Quý 2 năm dương lịch: Căn cứ trên danh sách cổ đông được chốt đến thời điểm gần nhất trước ngày 31 của tháng 05 và gửi cho SGDCK chậm nhất là ngày 10 của tháng 06	VP HĐQT	

QUY CHẾ	Mã số: QC.01.06.II	Trang: 21 77
CÔNG BỐ THÔNG TIN	Lần sửa đổi: 02	Ngày sửa đổi:/.../2022

STT	Loại thông tin công bố	Thời gian thực hiện	Đơn vị CBTT	Ghi chú
		- Báo cáo Quý 3 năm dương lịch: Căn cứ trên danh sách cổ đông được chốt đến thời điểm gần nhất trước ngày 31 của tháng 08 và gửi cho SGDCK chậm nhất là ngày 10 của tháng 09 - Báo cáo Quý 4 năm dương lịch: Căn cứ trên danh sách cổ đông được chốt đến thời điểm gần nhất trước ngày 30 tháng 11 và gửi cho SGDCK chậm nhất là ngày 10 của tháng 12.		
25	Trường hợp tổ chức kiểm toán đưa ra ý kiến hoặc kết luận soát xét không phải là ý kiến kiểm toán hoặc kết luận soát xét chấp nhận toàn phần đối với báo cáo tài chính hoặc báo cáo tài chính có điều chỉnh hồi tố, Công ty phải CBTT về ý kiến kiểm toán, kết luận soát xét, kết quả điều chỉnh hồi tố báo cáo tài chính	Theo khoản 1, 2, 3 mục I	KTTC	
26	Sau khi thay đổi kỳ kế toán, Công ty công bố BCTC cho giai đoạn giữa 02 kỳ kế toán của năm	Trong thời hạn 10 ngày, kể từ ngày tổ chức kiểm toán kỳ	KTTC	

QUY CHẾ	Mã số: QC.01.06.II	Trang: 22 77
CÔNG BỐ THÔNG TIN	Lần sửa đổi: 02	Ngày sửa đổi:/.../2022

STT	Loại thông tin công bố	Thời gian thực hiện	Đơn vị CBTT	Ghi chú
	tài chính cũ và năm tài chính mới theo quy định của pháp luật về kế toán doanh nghiệp	báo cáo kiểm toán nhưng không quá 90 ngày kể từ ngày bắt đầu của năm tài chính mới		
27	Công ty quyết định tăng, giảm vốn điều lệ	Trong vòng 24 giờ, kể từ khi sự kiện diễn ra	TVTCĐN + VP HĐQT	
28	Công ty quyết định góp vốn đầu tư vào một tổ chức, dự án, vay, cho vay hoặc các giao dịch khác với giá trị từ 10% trở lên trên tổng tài sản của Công ty tại BCTC năm gần nhất được kiểm toán hoặc BCTC bán niên gần nhất được soát xét	Trong vòng 24 giờ, kể từ khi sự kiện diễn ra	Đơn vị đầu mối thực hiện giao dịch	
29	Công ty quyết định góp vốn có giá trị từ 50% trở lên vốn điều lệ của một tổ chức	Trong vòng 24 giờ, kể từ khi sự kiện diễn ra	Đơn vị đầu mối thực hiện giao dịch	Xác định theo vốn điều lệ của tổ chức nhận vốn góp trước thời điểm góp vốn
30	Quyết định của UBCKNN về việc xử phạt hành chính trong lĩnh vực chứng khoán và thị trường chứng khoán đối với Công ty, CN, người hành nghề chứng khoán của Công ty, CN; Tổng Giám đốc, Phó Tổng Giám đốc bị tước quyền sử dụng chứng chỉ hành nghề chứng khoán có thời hạn, thu hồi chứng chỉ hành nghề chứng khoán	Trong vòng 24 giờ, kể từ khi sự kiện diễn ra	TCHC	Nội dung CBTT phải nêu rõ sự kiện được công bố, nguyên nhân, mức độ xác thực của sự kiện đó và giải pháp khắc phục (nếu có)

QUY CHẾ	Mã số: QC.01.06.II	Trang: 23 77
CÔNG BỐ THÔNG TIN	Lần sửa đổi: 02	Ngày sửa đổi:/.../2022

STT	Loại thông tin công bố	Thời gian thực hiện	Đơn vị CBTT	Ghi chú
31	Quyết định khởi tố, tạm giam, truy cứu trách nhiệm hình sự liên quan đến người hành nghề chứng khoán của Công ty, CN.	Trong vòng 24 giờ, kể từ khi sự kiện diễn ra	TCHC	Nội dung CBTT phải nêu rõ sự kiện được công bố, nguyên nhân, mức độ xác thực của sự kiện đó và giải pháp khắc phục (nếu có)
32	Quyết định của UBCKNN về việc đặt Công ty vào diện cảnh báo, kiểm soát, kiểm soát đặc biệt hoặc đưa ra khỏi diện cảnh báo, kiểm soát, kiểm soát đặc biệt; đình chỉ hoạt động, tạm ngừng hoạt động hoặc chấm dứt tình trạng đình chỉ hoạt động, tạm ngừng hoạt động	Trong vòng 24 giờ, kể từ khi sự kiện diễn ra	TCHC	Nội dung CBTT phải nêu rõ sự kiện được công bố, nguyên nhân, mức độ xác thực của sự kiện đó và giải pháp khắc phục (nếu có)
33	Quyết định của UBCKNN chấp thuận việc thành lập, đóng cửa, thay đổi tên, địa điểm CN, phòng giao dịch, văn phòng đại diện ở trong nước hoặc nước ngoài; thay đổi nghiệp vụ kinh doanh tại CN; thành lập Công ty con ở nước ngoài; việc đầu tư gián tiếp ra nước ngoài	Trong vòng 24 giờ, kể từ khi sự kiện diễn ra	TCHC	Nội dung CBTT phải nêu rõ sự kiện được công bố, nguyên nhân, mức độ xác thực của sự kiện đó và giải pháp khắc phục (nếu có)
34	Quyết định của UBCKNN chấp thuận việc thực hiện cung cấp dịch vụ giao dịch chứng khoán trực tuyến; lưu ký chứng khoán; bù trừ và thanh toán chứng khoán; các dịch vụ trên thị trường chứng khoán phái sinh	Trong vòng 24 giờ, kể từ khi sự kiện diễn ra	DVCK	Nội dung CBTT phải nêu rõ sự kiện được công bố, nguyên nhân, mức độ xác thực của sự kiện đó và giải pháp khắc phục (nếu có)
	Cung cấp hoặc phối hợp với các tổ chức tín dụng cung cấp dịch vụ cho khách hàng vay tiền mua	Trong vòng 24 giờ, kể từ khi sự kiện diễn ra	KTTC	

QUY CHẾ	Mã số: QC.01.06.II	Trang: 24 77
CÔNG BỐ THÔNG TIN	Lần sửa đổi: 02	Ngày sửa đổi:/.../2022

STT	Loại thông tin công bố	Thời gian thực hiện	Đơn vị CBTT	Ghi chú
	chứng khoán hoặc cung cấp dịch vụ cho vay chứng khoán; cung cấp hoặc phối hợp với các tổ chức tín dụng cung cấp dịch vụ ứng trước tiền bán chứng khoán			
35	Khi Công ty hoàn tất các giao dịch chuyển nhượng cổ phần, phần vốn góp để trở thành cổ đông, thành viên góp vốn nắm giữ từ 10% trở lên vốn điều lệ đã góp của công ty chứng khoán không phải công ty đại chúng; các giao dịch làm thay đổi quyền sở hữu cổ phần hoặc phần vốn góp chiếm từ 10% trở lên vốn điều lệ hoặc giao dịch dẫn tới tỷ lệ sở hữu của cổ đông, thành viên góp vốn vượt qua hoặc xuống dưới các mức sở hữu 10%, 25%, 50%, 75% vốn điều lệ của công ty quản lý quỹ không phải là công ty đại chúng	Trong vòng 24 giờ, kể từ khi sự kiện diễn ra	TD&BLPH	
36	Công ty tự nguyện chấm dứt, ngừng cung cấp một trong các sản phẩm, dịch vụ, nghiệp vụ kinh doanh chứng khoán	Trong vòng 24 giờ, kể từ khi sự kiện diễn ra	Đơn vị đầu mỗi thực hiện	Nội dung CBTT phải nêu rõ sự kiện được công bố, nguyên nhân, mức độ xác thực của sự kiện đó và giải pháp khắc phục (nếu có)
37	Công ty bị sự cố công nghệ thông tin làm ảnh hưởng đến việc thực hiện giao dịch chứng khoán cho khách hàng	Trong vòng 24 giờ, kể từ khi sự kiện diễn ra	CNTT	Nội dung CBTT phải nêu rõ sự kiện được công bố, nguyên nhân, mức độ xác thực của sự kiện đó và giải pháp khắc phục (nếu có)
III	Công bố thông tin theo yêu cầu			

QUY CHẾ	Mã số: QC.01.06.II	Trang: 25 77
CÔNG BỐ THÔNG TIN	Lần sửa đổi: 02	Ngày sửa đổi:/.../2022

STT	Loại thông tin công bố	Thời gian thực hiện	Đơn vị CBTT	Ghi chú
III				
1	Sự kiện ảnh hưởng nghiêm trọng đến quyền, lợi ích hợp pháp của nhà đầu tư	Trong vòng 24 giờ, kể từ khi nhận được yêu cầu của UBCKNN, SGDCK	Đơn vị được Người CBTT phân công	Nội dung thông tin công bố theo yêu cầu phải nêu rõ sự kiện được UBCKNN, SGDCK yêu cầu công bố, nguyên nhân và đánh giá của Công ty về tính xác thực của sự kiện đó, giải pháp khắc phục (nếu có)
2	Có thông tin liên quan đến Công ty ảnh hưởng lớn đến giá chứng khoán và cần phải xác nhận thông tin đó	Trong vòng 24 giờ, kể từ khi nhận được yêu cầu của UBCKNN, SGDCK	Đơn vị được Người CBTT phân công	
IV	Công bố thông tin khác			
1	CBTT về hoạt động chào bán chứng khoán riêng lẻ, chào bán chứng khoán ra công chúng, phát hành chứng khoán, niêm yết, đăng ký giao dịch và báo cáo sử dụng vốn	Theo quy định pháp luật về chào bán, phát hành chứng khoán, niêm yết, đăng ký giao dịch chứng khoán	Đơn vị đầu mối thực hiện	
2	CBTT về tỷ lệ sở hữu nước ngoài tối đa của Công ty và các thay đổi liên quan đến tỷ lệ sở hữu này	Theo quy định pháp luật chứng khoán hướng dẫn hoạt động đầu tư nước ngoài trên thị trường chứng khoán VN	TVTCDN + VP HĐQT	
3	CBTT về việc mua lại cổ phiếu của chính mình hoặc bán cổ phiếu quỹ	Theo quy định pháp luật về mua lại cổ phiếu của chính mình, bán cổ phiếu quỹ	TD&BLPH	
4	Trường hợp Công ty mua lại cổ phiếu của chính mình, sau khi thanh toán hết số cổ phiếu mua lại, nếu tổng giá trị tài sản được ghi trong sổ kế toán	Trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày hoàn tất nghĩa vụ thanh toán việc mua lại cổ phiếu	TD&BLPH	

QUY CHẾ	Mã số: QC.01.06.II	Trang: 26 77
CÔNG BỐ THÔNG TIN	Lần sửa đổi: 02	Ngày sửa đổi:/.../2022

STT	Loại thông tin công bố	Thời gian thực hiện	Đơn vị CBTT	Ghi chú
	giảm hơn 10% thì Công ty phải thông báo cho tất cả các chủ nợ biết và CBTT			
5	CN, văn phòng đại diện của Công ty được đi vào hoạt động	Ít nhất 30 ngày trước ngày dự kiến chính thức hoạt động	TCHC	CBTT trên các phương tiện CBTT của UBCKNN và 01 tờ báo điện tử hoặc báo in trong 03 số liên tiếp
6	Các nội dung liên quan đến phương thức giao dịch, đặt lệnh, ký quỹ giao dịch, thời gian thanh toán, phí giao dịch, các dịch vụ cung cấp và danh sách những người hành nghề chứng khoán của Công ty. Trường hợp cung cấp dịch vụ giao dịch ký quỹ, Công ty phải thông báo các điều kiện cung cấp dịch vụ, bao gồm yêu cầu tỷ lệ ký quỹ, lãi suất vay, thời hạn vay, phương thức thực hiện lệnh gọi ký quỹ bổ sung, danh mục chứng khoán thực hiện giao dịch ký quỹ	Khi có thay đổi	DVCK	CBTT tại TSC, CN, phòng giao dịch và đăng tải trên trong thông tin điện tử của Công ty
7	Công ty thực hiện lệnh bán giải chấp chứng khoán ký quỹ hoặc bán chứng khoán cầm cố của khách hàng là người nội bộ và người có liên quan của người nội bộ	Trước khi thực hiện giao dịch	DVCK	- CBTT trên trang thông tin điện tử của Công ty; - Sau khi thực hiện, thông báo về kết quả giao dịch cho khách hàng chậm nhất vào cuối ngày giao dịch để khách hàng thực hiện nghĩa vụ CBTT theo quy định

QUY CHẾ	Mã số: QC.01.06.II	Trang: 27 77
CÔNG BỐ THÔNG TIN	Lần sửa đổi: 02	Ngày sửa đổi:/.../2022

STT	Loại thông tin công bố	Thời gian thực hiện	Đơn vị CBTT	Ghi chú
8	Công ty hủy lệnh bán giải chấp chứng khoán hoặc hủy lệnh bán chứng khoán cầm cố đã công bố trước đó, Công ty thực hiện CBTT về việc hủy lệnh	Trong thời hạn 24 giờ kể từ khi hủy lệnh	DVCK	- CBTT trên trang thông tin điện tử của Công ty; - Báo cáo SGDCK
9	Phát hành chứng quyền có bảo đảm	Theo quy định pháp luật về chào bán và giao dịch chứng quyền có bảo đảm	TD&BLPH	
10	Công ty khi trở thành hoặc không còn là cổ đông lớn của công ty đại chúng, công ty đầu tư chứng khoán đại chúng	Trong thời hạn 05 ngày làm việc, kể từ ngày trở thành hoặc không còn là cổ đông lớn (tính kể từ ngày hoàn tất giao dịch chứng khoán)	TD&BLPH	- Mẫu quy định tại Phụ lục 06; - Không áp dụng khi Công ty không chủ động thực hiện giao dịch trong trường hợp thay đổi tỷ lệ nắm giữ cổ phiếu có quyền biểu phát sinh do công ty đại chúng mua lại cổ phiếu của chính mình hoặc Công ty đại chúng phát hành thêm cổ phiếu.
11	Công ty là cổ đông lớn của công ty đại chúng, công ty đầu tư chứng khoán đại chúng khi có thay đổi về số lượng cổ phiếu sở hữu qua các ngưỡng 1% số cổ phiếu có quyền biểu quyết	Trong thời hạn 05 ngày làm việc, kể từ ngày có sự thay đổi (tính kể từ ngày hoàn tất giao dịch chứng khoán)	TD&BLPH	- Mẫu quy định tại Phụ lục 07; - Không áp dụng khi Công ty không chủ động thực hiện giao dịch trong trường hợp thay đổi tỷ lệ nắm giữ cổ phiếu có quyền biểu phát sinh do công ty đại chúng mua lại cổ phiếu của chính mình hoặc công ty đại chúng phát hành thêm cổ phiếu.
12	Công ty là người nội bộ, người có liên quan của Công ty đại chúng, công ty đầu tư chứng khoán đại		TD&BLPH	

QUY CHẾ	Mã số: QC.01.06.II	Trang: 28 77
CÔNG BỐ THÔNG TIN	Lần sửa đổi: 02	Ngày sửa đổi:/.../2022

STT	Loại thông tin công bố	Thời gian thực hiện	Đơn vị CBTT	Ghi chú
	chúng, quỹ đại chúng phải thực hiện CBTT, báo cáo trước và sau khi thực hiện giao dịch cho UBCKNN, SGCDK (đối với cổ phiếu niêm yết, đăng ký giao dịch, chứng chỉ quỹ đại chúng niêm yết), công ty đại chúng, công ty quản lý quỹ đầu tư chứng khoán khi giá trị giao dịch dự kiến trong ngày từ 50 triệu đồng trở lên hoặc giá trị giao dịch dự kiến trong từng tháng từ 200 triệu trở lên tính theo mệnh giá (đối với cổ phiếu, trái phiếu chuyển đổi, chứng chỉ quỹ) hoặc theo giá phát hành gần nhất (đối với chứng quyền có bảo đảm) hoặc giá trị chuyển nhượng (đối với quyền mua cổ phiếu, quyền mua trái phiếu chuyển đổi, quyền mua chứng chỉ quỹ), kể cả trường hợp chuyển nhượng không thông qua hệ thống giao dịch tại SGDCK (như các giao dịch chuyển nhượng hoặc nhận chuyển nhượng chứng khoán và các trường hợp khác), cụ thể:			
12.1	- Dự kiến giao dịch	Trước ngày dự kiến thực hiện giao dịch tối thiểu 03 ngày làm việc	TD&BLPH	Mẫu Phụ lục 14, 15

QUY CHẾ	Mã số: QC.01.06.II	Trang: 29 77
CÔNG BỐ THÔNG TIN	Lần sửa đổi: 02	Ngày sửa đổi:/.../2022

STT	Loại thông tin công bố	Thời gian thực hiện	Đơn vị CBTT	Ghi chú
12.2	- Kết thúc giao dịch	Trong thời hạn 05 ngày làm việc, kể từ ngày hoàn tất giao dịch (trường hợp giao dịch kết thúc trước thời hạn đăng ký) hoặc kết thúc thời hạn dự kiến giao dịch	TD&BLPH	CBTT về kết quả giao dịch đồng thời giải trình nguyên nhân không thực hiện được giao dịch hoặc không thực hiện hết khối lượng đăng ký (nếu có) theo mẫu quy định tại Phụ lục 16, 17
13	Trường hợp Công ty là người có liên quan của người nội bộ của tổ chức niêm yết, đăng ký giao dịch hoặc quỹ đại chúng niêm yết, khi hoàn thành sửa lỗi giao dịch cổ phiếu niêm yết, đăng ký giao dịch hoặc chứng chỉ quỹ niêm yết	Trong thời hạn 24 giờ, kể từ thời điểm hoàn thành giao dịch sửa lỗi	TD&BLPH	Báo cáo UBCKNN, SGDCK, tổ chức niêm yết, đăng ký giao dịch hoặc công ty quản lý quỹ đầu tư chứng khoán
14	Công ty nhận được báo cáo liên quan đến giao dịch chứng khoán của người nội bộ và người có liên quan	Trong thời hạn 03 ngày làm việc sau khi nhận được báo cáo	TCHC + VP HĐQT	CBTT trên trang điện tử của Công ty (Người nội bộ và người có liên quan phải thực hiện CBTT, báo cáo trước và sau khi thực hiện giao dịch cho UBCKNN, SGDCK và gửi báo cáo cho Công ty)
15	CBTT về giao dịch chào mua công khai	Theo quy định pháp luật về chào mua công khai	TD&BLPH	
16	Trường hợp phát sinh thay đổi thông tin của người nội bộ và người có liên quan đã cung cấp theo Phụ lục III Thông tư số 96/2020/TT-BTC, Công ty báo	Trong vòng 24 giờ, kể từ khi sự kiện diễn ra	TCHC	Mẫu theo Phụ lục 11

QUY CHẾ	Mã số: QC.01.06.II	Trang: 30 77
CÔNG BỐ THÔNG TIN	Lần sửa đổi: 02	Ngày sửa đổi:/.../2022

STT	Loại thông tin công bố	Thời gian thực hiện	Đơn vị CBTT	Ghi chú
	cáo cho SGDCK về thay đổi người có liên quan của người nội bộ			
18	CBTT các sản phẩm phái sinh	Theo quy định pháp luật về các sản phẩm phái sinh	MG&TVĐT	
19	Công ty đăng ký chào bán chứng khoán ra công chúng		TVTCĐN + VP HĐQT	
19.1	Giấy chứng nhận đăng ký chào bán chứng khoán ra công chúng có hiệu lực	Trong thời hạn 07 ngày làm việc, kể từ ngày Giấy chứng nhận có hiệu lực	TVTCĐN + VP HĐQT	CBTT Bản thông báo phát hành trên 01 tờ báo điện tử hoặc báo in trong 03 số liên tiếp
19.2	Sau khi UBCKNN cấp Giấy chứng nhận đăng ký chào bán chứng khoán ra công chúng mà phát sinh thông tin quan trọng liên quan đến hồ sơ đăng ký chào bán chứng khoán ra công chúng thì Công ty phải CBTT phát sinh và thực hiện việc sửa đổi, bổ sung hồ sơ	Trong thời hạn 07 ngày làm việc, kể từ ngày có văn bản của UBCKNN	TVTCĐN + VP HĐQT	CBTT trên 01 tờ báo điện tử hoặc báo in trong 03 số liên tiếp
19.3	UBCKNN ra văn bản thông báo đình chỉ chào bán chứng khoán ra công chúng	Trong thời hạn 07 ngày làm việc, kể từ ngày đợt chào bán chứng khoán ra công chúng bị đình chỉ	TVTCĐN + VP HĐQT	CBTT trên 01 tờ báo điện tử hoặc báo in trong 03 số liên tiếp
19.4	UBCKNN ra văn bản thông báo hủy đình chỉ chào bán chứng khoán ra công chúng	Trong thời hạn 07 ngày làm việc, kể từ ngày có thông báo hủy đình chỉ	TVTCĐN + VP HĐQT	CBTT trên 01 tờ báo điện tử hoặc báo in trong 03 số liên tiếp

QUY CHẾ	Mã số: QC.01.06.II	Trang: 31 77
CÔNG BỐ THÔNG TIN	Lần sửa đổi: 02	Ngày sửa đổi:/.../2022

STT	Loại thông tin công bố	Thời gian thực hiện	Đơn vị CBTT	Ghi chú
19.5	UBCKNN quyết định hủy bỏ đợt chào bán chứng khoán ra công chúng	Trong thời hạn 07 ngày làm việc, kể từ ngày đợt chào bán chứng khoán ra công chúng bị hủy bỏ	TVTCDN + VP HĐQT	CBTT trên 01 tờ báo điện tử hoặc báo in trong 03 số liên tiếp
20	Công ty mua lại cổ phiếu của chính mình		TD&BLPH	
20.1	UBCKNN thông báo về việc nhận được đủ tài liệu báo cáo mua lại cổ phiếu	Trong thời hạn 07 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được thông báo	TD&BLPH	Nội dung CBTT: - Mục đích mua lại; - Tổng số lượng cổ phiếu đăng ký mua lại; - Nguồn vốn thực hiện mua lại; - Phương thức giao dịch; - Thời gian dự kiến thực hiện; - Nguyên tắc xác định giá (khoảng giá)
20.2	Báo cáo kết quả giao dịch mua lại cổ phiếu	Trong thời hạn 10 ngày kể từ ngày kết thúc giao dịch	TD&BLPH	
21	Thông báo của UBCKNN về việc hủy tư cách công ty đại chúng của Công ty	Trong thời hạn 07 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được thông báo	VP HĐQT	

QUY CHẾ	Mã số: QC.01.06.II	Trang: 32 77
CÔNG BỐ THÔNG TIN	Lần sửa đổi: 02	Ngày sửa đổi:/.../2022

Điều 11. Xử lý vi phạm về CBTT

Các đơn vị/cá nhân có liên quan đến việc CBTT của Công ty có hành vi vi phạm quy định về CBTT thì tùy theo tính chất, mức độ vi phạm mà bị xử lý kỷ luật, xử phạt vi phạm hành chính hoặc bị truy cứu trách nhiệm hình sự, nếu gây thiệt hại thì phải bồi thường theo quy định của pháp luật.

Điều 12. Trách nhiệm của các cá nhân, bộ phận liên quan

12.1. Trách nhiệm chung

Mọi cá nhân và đơn vị có liên quan có trách nhiệm:

- Tuân thủ quy chế này và các quy định có liên quan của Công ty và pháp luật;
- Kịp thời báo cáo cho Người CBTT/Người được ủy quyền CBTT khi nhận được yêu cầu phải CBTT;
- Chịu trách nhiệm trước pháp luật và trước người có thẩm quyền về các quyết định, đề xuất của mình trong phạm vi nhiệm vụ được giao.

12.2. Trách nhiệm cụ thể

12.2.1. Người CBTT/Người được ủy quyền CBTT

- Chỉ đạo Đơn vị CBTT chuẩn bị nội dung thông tin cần công bố;
- Kiểm tra tính chính xác và hợp lệ của nội dung báo cáo, thông tin công bố; yêu cầu chỉnh sửa hoặc lập mới báo cáo trong trường hợp cần thiết;
- Thực hiện công bố bổ sung/đính chính các thông tin chưa đầy đủ, chưa chính xác theo quy định.
- Đảm bảo thực hiện đúng thời hạn CBTT theo quy định của pháp luật hiện hành;
- Ký duyệt báo cáo, thông tin công bố trước khi thực hiện CBTT;
- Chỉ đạo việc tiếp đón và cung cấp các thông tin về tình hình hoạt động kinh doanh của Công ty cho các quỹ đầu tư, công ty chứng khoán và nhà đầu tư;
- Chịu trách nhiệm trước pháp luật về nội dung thông tin công bố.

12.2.2. Đơn vị CBTT:

- Trưởng đơn vị phân công cán bộ tham gia vào việc CBTT của Công ty, phụ trách việc CBTT của đơn vị mình; Chỉ đạo việc cung cấp tài liệu liên quan đến việc CBTT theo yêu cầu của Đơn vị CBTT trong trường hợp là Đơn vị có liên quan; Chịu trách nhiệm trước Người CBTT/Người được ủy quyền CBTT về tính chính xác, đầy đủ, kịp thời của nội dung thông tin công bố, các tài liệu phục vụ cho việc CBTT.
- Liên hệ với các bộ phận có liên quan yêu cầu cung cấp hồ sơ, tài liệu phục vụ cho việc CBTT, đảm bảo việc CBTT được kịp thời;

QUY CHẾ	Mã số: QC.01.06.II	Trang: 33 77
CÔNG BỐ THÔNG TIN	Lần sửa đổi: 02	Ngày văn bản:/..../2022

- Soạn thảo, chuyển toàn bộ hồ sơ CBTT và tài liệu liên quan cho Phòng KTKSNB (trừ CBTT định kỳ) để kiểm tra tính chính xác và hợp lệ của nội dung báo cáo, thông tin công bố trước khi Đơn vị CBTT trình Người CBTT hoặc Người được ủy quyền CBTT ký các thông tin công bố để thực hiện việc CBTT theo quy định trước thời hạn CBTT quy định tại Điều 10;
- Phối hợp với phòng TCHC đưa thông tin lên website của Công ty (<http://cts.vn>), các ấn phẩm của Công ty (nếu có) hoặc các phương tiện thông tin đại chúng theo đúng quy định;
- Thực hiện tiếp đón và cung cấp các thông tin về tình hình hoạt động kinh doanh của Công ty cho các quỹ đầu tư, công ty chứng khoán và nhà đầu tư khi có sự ủy quyền của Người CBTT hoặc Người được ủy quyền CBTT;
- Chịu trách nhiệm trước Người CBTT/Người được ủy quyền CBTT về nội dung thông tin công bố.

12.2.3. Đơn vị có liên quan:

- Cung cấp thông tin về các sự kiện phải CBTT bất thường (nếu có) cho Đơn vị CBTT chậm nhất trong ngày phát sinh sự kiện để đảm bảo CBTT đúng thời hạn theo quy định điều 10 Quy chế này;
- Cung cấp các tài liệu cần thiết cho việc CBTT có liên quan đến bộ phận mình phụ trách theo yêu cầu của Đơn vị CBTT;
- Đảm bảo tính chính xác của từng tài liệu cung cấp và tiến độ cung cấp theo đúng yêu cầu;
- Chịu trách nhiệm trước Người CBTT/Người được ủy quyền CBTT về tính chính xác của các tài liệu phục vụ cho việc CBTT.

12.2.4. Phòng Kiểm tra kiểm soát nội bộ:

- Tiếp nhận hồ sơ CBTT từ Đơn vị CBTT để kiểm tra tính chính xác và hợp lệ của nội dung báo cáo, thông tin công bố (trừ CBTT định kỳ) trước khi Đơn vị CBTT trình Người CBTT/Người được ủy quyền CBTT ký phê duyệt;
- Trường hợp phát hiện có sự sai sót hoặc chưa phù hợp tại hồ sơ CBTT, Phòng KTKSNB yêu cầu Đơn vị CBTT thực hiện bổ sung, khắc phục và chỉnh sửa.
- Chịu trách nhiệm trước Người CBTT/Người được ủy quyền CBTT về nội dung thông tin công bố.

12.2.5. Phòng Tổ chức và hành chính/ phòng Kế toán tài chính:

- Thực hiện việc CBTT/cung cấp các tài liệu liên quan cần thiết cho việc CBTT có liên quan đến nghiệp vụ của phòng theo yêu cầu của Đơn vị CBTT;
- Đăng tải CBTT lên hệ thống cổng thông tin điện tử của UBCKNN, SGDC, TTLKCK, Ủy ban Giám sát tài chính quốc gia, website của Công ty, các phương tiện thông tin đại chúng (báo in, báo điện tử...),... theo yêu cầu của Đơn vị CBTT;

QUY CHẾ	Mã số: QC.01.06.II	Trang: 3 4 77
CÔNG BỐ THÔNG TIN	Lần sửa đổi: 02	Ngày văn bản:/...../2022

- Phòng KTTC chủ động việc đăng CBTT đối với các thông tin thuộc chức năng, nhiệm vụ của phòng lên cổng thông tin điện tử của UBCKNN, SGDCK; chuyển CBTT cho phòng TCHC để đăng tin trên website Công ty;
- Chịu trách nhiệm trước Người CBTT/Người được ủy quyền CBTT trong trường hợp thông tin đăng tải bị chậm hoặc có sai sót so với hồ sơ CBTT

12.2.6. Phòng Công nghệ thông tin:

- Thực hiện việc hỗ trợ đường truyền và hạ tầng công nghệ phục vụ việc CBTT của Công ty.

Điều 13. Cung cấp thông tin cho các phương tiện thông tin đại chúng

13.1. Trả lời phỏng vấn

- Việc cung cấp thông tin cho các phương tiện thông tin đại chúng, trả lời phỏng vấn về các vấn đề liên quan đến hoạt động của Công ty phải do Người CBTT chỉ định trả lời phỏng vấn;
- Trường hợp nhân viên Công ty được mời đích danh cho các cuộc phỏng vấn về những nội dung liên quan đến hoạt động của Công ty thì phải báo cáo Người CBTT và chỉ được phép trả lời phỏng vấn sau khi được Người CBTT phê duyệt;
- Khi có bất kỳ thông tin không chính thức nào làm ảnh hưởng đến thương hiệu, uy tín, giá cổ phiếu Công ty thì Người CBTT phải xác nhận hoặc đính chính thông tin đó trong thời hạn 24 giờ kể từ khi thông tin đó được công bố. Bộ phận Truyền thông thuộc VPHĐQT có trách nhiệm theo dõi thông tin của Công ty tại các phương tiện thông tin đại chúng, báo cáo Người CBTT các thông tin không chính thức làm ảnh hưởng hoặc có nguy cơ làm ảnh hưởng đến thương hiệu, uy tín, giá cổ phiếu của Công ty.

13.2. Đưa thông tin và các bài viết liên quan đến hoạt động kinh doanh của Công ty lên phương tiện thông tin đại chúng

- Người CBTT là người có thẩm quyền quyết định việc đưa thông tin, các bài viết liên quan đến hoạt động kinh doanh của Công ty lên các phương tiện thông tin đại chúng;
- Bộ phận Truyền thông thuộc VPHĐQT là bộ phận thực hiện việc đưa các thông tin, bài viết nói trên lên các phương tiện thông tin đại chúng sau khi được Người CBTT phê duyệt.

QUY CHẾ	Mã số: QC.01.06.II	Trang: 35 77
CÔNG BỐ THÔNG TIN	Lần sửa đổi: 02	Ngày văn bản:/...../2022

CHƯƠNG II TỔ CHỨC THỰC HIỆN

Điều 14. Điều khoản thi hành

14.1. Quy chế này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký, thay thế Quy chế Công bố thông tin mã số QC.01.06.01 ban hành theo Quyết định số 09B/2021/QĐ-HĐQT-CKCT01 ngày 10/05/2021 của Hội đồng quản trị Công ty.

14.2. Trường hợp các quy định về CBTT của pháp luật được sửa đổi, bổ sung nhưng chưa kịp cập nhập tại Quy chế này thì sẽ thực hiện áp dụng theo các quy định mới của Pháp luật.

14.3. Tất cả các đơn vị, cá nhân có liên quan trong Công ty Chứng khoán Công thương có trách nhiệm tuân thủ các nội dung quy định tại Quy chế này và các quy định pháp luật về công bố thông tin trên thị trường chứng khoán liên quan đến hoạt động của mình.

14.4. Việc sửa đổi, bổ sung, thay thế Quy chế này do Hội đồng quản trị Công ty Chứng khoán Công thương quyết định trên cơ sở đề xuất của Tổng Giám đốc.



Trần Phúc Vinh

QUY CHẾ	Mã số: QC.01.06.II	Trang: 36 77
CÔNG BỐ THÔNG TIN	Lần sửa đổi: 02	Ngày văn bản:/...../2022

PHỤ LỤC 01

GIẤY ỦY QUYỀN THỰC HIỆN CÔNG BỐ THÔNG TIN

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN
NGÂN HÀNG CÔNG THƯƠNG VIỆT NAM

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số:/GUQ-....

..., ngày... tháng... năm....

Giấy ủy quyền thực hiện công bố thông tin*

- Kính gửi:
- Ủy ban Chứng khoán Nhà nước;
 - Sở Giao dịch chứng khoán Việt Nam;
 - Trung tâm Lưu ký Chứng khoán Việt Nam/Tổng Công ty Lưu ký và Bù trừ Chứng khoán Việt Nam
 - Sở Giao dịch Chứng khoán Tp. Hồ Chí Minh
 - Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội

I. Bên ủy quyền (sau đây gọi là “Bên A”)

- Tên giao dịch của Công ty.....
- Mã chứng khoán:
- Địa chỉ liên lạc:
- Điện thoại: Fax: Email:.....- Website:

II. Bên được ủy quyền (sau đây gọi là “Bên B”)

- Ông (Bà):
- Số CMND (hoặc số hộ chiếu):
- Ngày cấp..... Nơi cấp
- Địa chỉ thường trú:
- Chức vụ tại Công ty:

III. Nội dung ủy quyền:

- Bên A ủy quyền cho Bên B làm “Người được ủy quyền công bố thông tin” của Bên A
- Bên B có trách nhiệm thay mặt Bên A thực hiện nghĩa vụ công bố thông tin đầy đủ, chính xác và kịp thời theo quy định pháp luật.

Giấy ủy quyền này có hiệu lực kể từ ngày đến khi có thông báo hủy bỏ bằng văn bản của (Tên tổ chức, công ty, công ty quản lý quỹ).

**BÊN A / NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO
PHÁP LUẬT**

(Ký, ghi rõ họ tên, đóng dấu)

BÊN B

(Ký, ghi rõ họ tên)

Tài liệu đính kèm:

- Bản cung cấp thông tin Người được ủy quyền công bố thông tin.

Ghi chú: Đối với tổ chức là nhà đầu tư nước ngoài, Bên A là người đại diện theo pháp luật được thay thế bằng người đại diện theo thẩm quyền.

QUY CHẾ	Mã số: QC.01.06.II	Trang: 3 7 77
CÔNG BỐ THÔNG TIN	Lần sửa đổi: 02	Ngày văn bản:/...../2022

PHỤ LỤC 02
BẢN CUNG CẤP THÔNG TIN

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

...., ngày.... tháng ... năm....

BẢN CUNG CẤP THÔNG TIN

Kính gửi:

- Ủy ban Chứng khoán Nhà nước;
- Sở Giao dịch chứng khoán.

- 1/ Họ và tên:
- 2/ Giới tính:
- 3/ Ngày tháng năm sinh:
- 4/ Nơi sinh:
- 5/ Số CMND (hoặc số hộ chiếu):
- Ngày cấp Nơi cấp.....
- 6/ Quốc tịch:
- 7/ Dân tộc:
- 8/ Địa chỉ thường trú:
- 9/ Số điện thoại:
- 10/ Địa chỉ email:
- 11/ Tên tổ chức là đối tượng công bố thông tin:
- 12/ Chức vụ hiện nay tại tổ chức là đối tượng công bố thông tin:
- 13/ Các chức vụ hiện đang nắm giữ tại tổ chức khác:
- 14/ Số CP nắm giữ: chiếm % vốn điều lệ, trong đó:
- + Đại diện (tên tổ chức là Nhà nước/cổ đông chiến lược/tổ chức khác) sở hữu:
- + Cá nhân sở hữu:
- 15/ Các cam kết nắm giữ (nếu có):
- 16/ Danh sách người có liên quan của người khai*:

* Người có liên quan theo quy định tại khoản 46 Điều 4 Luật Chứng khoán ngày 26 tháng 11 năm 2019.

QUY CHẾ	Mã số: QC.01.06.II	Trang: 3 8 77
CÔNG BỐ THÔNG TIN	Lần sửa đổi: 02	Ngày văn bản:/..../2022

STT	Mã CK	Họ tên	Tài khoản giao dịch chứng khoán (nếu có)	Chức vụ tại công ty (nếu có)	Mối quan hệ đối với công ty/ người nội bộ	Loại hình Giấy NSH (*) (CMND/ Passport/ Giấy ĐKKD)	Số Giấy NSH (*)	Ngày cấp	Nơi cấp	Địa chỉ trụ sở chính/ Địa chỉ liên hệ	Số cổ phiếu sở hữu cuối kỳ	Tỷ lệ sở hữu cổ phiếu cuối kỳ	Thời điểm bắt đầu là người có liên quan của công ty/ người nội bộ	Thời điểm không còn là người có liên quan của công ty/ người nội bộ	Lý do (khi phát sinh thay đổi liên quan đến mục 13 và 14)	Ghi chú (về việc không có số Giấy NSH và các ghi chú khác)
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17

QUY CHẾ	Mã số: QC.01.06.II	Trang: 3 9 77
CÔNG BỐ THÔNG TIN	Lần sửa đổi: 02	Ngày văn bản:/...../2022

17/ Lợi ích liên quan đối với công ty đại chúng, quỹ đại chúng (nếu có):

18/ Quyền lợi mẫu thuẫn với công ty đại chúng, quỹ đại chúng (nếu có):

Tôi cam đoan những lời khai trên đây là đúng sự thật, nếu sai tôi xin hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật.

NGƯỜI KHAI

(Ký, ghi rõ họ tên)

QUY CHẾ	Mã số: QC.01.06.II	Trang: 40 77
CÔNG BỐ THÔNG TIN	Lần sửa đổi: 02	Ngày văn bản:/...../2022

PHỤ LỤC 03
BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN
NGÂN HÀNG CÔNG THƯƠNG VIỆT NAM

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: .../BC-....

..., ngày... tháng... năm....

BÁO CÁO
Thường niên năm.....

Kính gửi:

I. Thông tin chung

1. Thông tin khái quát

- Tên giao dịch:
- Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số:
- Vốn điều lệ:
- Vốn đầu tư của chủ sở hữu:
- Địa chỉ:
- Số điện thoại:
- Số fax/Fax:
- Website;
- Mã cổ phiếu (nếu có):
- Quá trình hình thành và phát triển (ngày thành lập, thời điểm niêm yết, thời gian các mốc sự kiện quan trọng kể từ khi thành lập đến nay.
- Các sự kiện khác:

2. Ngành nghề và địa bàn kinh doanh:

- Ngành nghề kinh doanh: (Nêu các ngành nghề kinh doanh hoặc sản phẩm, dịch vụ chính chiếm trên 10% tổng doanh thu trong 02 năm gần nhất).

- Địa bàn kinh doanh: (Nêu các địa bàn hoạt động kinh doanh chính, chiếm trên 10% tổng doanh thu trong 02 năm gần nhất).

3. Thông tin về mô hình quản trị, tổ chức kinh doanh và bộ máy quản lý:

- Mô hình quản trị (nêu rõ mô hình theo quy định tại Điều 137 Luật Doanh nghiệp).
- Cơ cấu bộ máy quản lý.

QUY CHẾ	Mã số: QC.01.06.II	Trang: 4 77
CÔNG BỐ THÔNG TIN	Lần sửa đổi: 02	Ngày văn bản:/..../2022

- Các công ty con, công ty liên kết: (Nêu danh sách, địa chỉ, lĩnh vực sản xuất kinh doanh chính, vốn điều lệ thực góp, tỷ lệ sở hữu của Công ty tại các công ty con, công ty liên kết).

4. Định hướng phát triển

- Các mục tiêu chủ yếu của Công ty.
- Chiến lược phát triển trung và dài hạn.
- Các mục tiêu phát triển bền vững (môi trường, xã hội và cộng đồng) và chương trình chính liên quan đến ngắn hạn và trung hạn của Công ty.

5. Các rủi ro: (Nếu các rủi ro có thể ảnh hưởng đến hoạt động sản xuất kinh doanh hoặc đối với việc thực hiện các mục tiêu của Công ty, trong đó có rủi ro về môi trường, thiên tai, dịch bệnh, ...).

II. Tình hình hoạt động trong năm/ *Operations in the Year*

1. Tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh

- Kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh trong năm: Nêu các kết quả đạt được trong năm. Nêu những thay đổi, biến động lớn về chiến lược kinh doanh, doanh thu, lợi nhuận, chi phí, thị trường, sản phẩm, nguồn cung cấp,...

- Tình hình thực hiện so với kế hoạch: So sánh kết quả đạt được trong năm so với các chỉ tiêu kế hoạch và các chỉ tiêu năm liền kề. Phân tích cụ thể nguyên nhân dẫn đến việc không đạt/đạt/vượt các chỉ tiêu so với kế hoạch và so với năm liền kề.

2. Tổ chức và nhân sự

- Danh sách Ban điều hành: (Danh sách, tóm tắt lý lịch và tỷ lệ sở hữu cổ phần có quyền biểu quyết và các chứng khoán khác do công ty phát hành của Tổng Giám đốc, các Phó Tổng giám đốc, Kế toán trưởng và các cán bộ quản lý khác).

- Những thay đổi trong ban điều hành: (Liệt kê các thay đổi trong Ban điều hành trong năm).

- Số lượng cán bộ, nhân viên. Tóm tắt chính sách và thay đổi trong chính sách đối với người lao động.

3. Tình hình đầu tư, tình hình thực hiện các dự án:

a) Các khoản đầu tư lớn: Nêu các khoản đầu tư lớn được thực hiện trong năm (bao gồm các khoản đầu tư tài chính và các khoản đầu tư dự án), tình hình thực hiện các dự án lớn. Đối với trường hợp công ty đã chào bán chứng khoán để thực hiện các dự án, cần nêu rõ tiến độ thực hiện các dự án này và phân tích nguyên nhân dẫn đến việc đạt/không đạt tiến độ đã công bố và cam kết).

b) Các công ty con, công ty liên kết: (Tóm tắt về hoạt động và tình hình tài chính của các công ty con, công ty liên kết).

4. Tình hình tài chính

QUY CHẾ	Mã số: QC.01.06.II	Trang: 42 77
CÔNG BỐ THÔNG TIN	Lần sửa đổi: 02	Ngày văn bản:/...../2022

a) Tình hình tài chính

Chỉ tiêu	Năm X-1	Năm X	% tăng giảm
<i>* Đối với tổ chức không phải là tổ chức tín dụng và tổ chức tài chính phi ngân hàng:</i>			
Tổng giá trị tài sản			
Doanh thu thuần			
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh			
Lợi nhuận khác			
Lợi nhuận trước thuế			
Lợi nhuận sau thuế			
Tỷ lệ lợi nhuận trả cổ tức			
<i>* Đối với tổ chức tín dụng và tổ chức tài chính phi ngân hàng:</i>			
Tổng giá trị tài sản			
Doanh thu			
Thuế và các khoản phải nộp			
Lợi nhuận trước thuế			
Lợi nhuận sau thuế			

- Các chỉ tiêu khác: (tùy theo đặc điểm riêng của ngành, của công ty để làm rõ kết quả hoạt động kinh doanh trong hai năm gần nhất).

b) Các chỉ tiêu tài chính chủ yếu:

Chỉ tiêu	Năm X-1	Năm X	Ghi chú
<i>1. Chỉ tiêu về khả năng thanh toán</i>			
+ Hệ số thanh toán ngắn hạn:			
Tài sản ngắn hạn/Nợ ngắn hạn			
+ Hệ số thanh toán nhanh:			
Tài sản ngắn hạn - Hàng tồn kho			
Nợ ngắn hạn			
<i>2. Chỉ tiêu về cơ cấu vốn</i>			
+ Hệ số Nợ/Tổng tài sản			
+ Hệ số Nợ/vốn chủ sở hữu			

QUY CHẾ	Mã số: QC.01.06.II	Trang: 4 3 77
CÔNG BỐ THÔNG TIN	Lần sửa đổi: 02	Ngày văn bản:/...../2022

Handwritten signature

3. Chỉ tiêu về năng lực hoạt động + Vòng quay hàng tồn kho: Giá vốn hàng bán/Hàng tồn kho bình quân + Vòng quay tổng tài sản: Doanh thu thuần/Tổng tài sản bình quân			
4. Chỉ tiêu về khả năng sinh lời + Hệ số Lợi nhuận sau thuế/Doanh thu thuần + Hệ số Lợi nhuận sau thuế/vốn chủ sở hữu + Hệ số Lợi nhuận sau thuế/Tổng tài sản + Hệ số Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh/Doanh thu thuần			

Đối với tổ chức tín dụng và tổ chức tài chính phi ngân hàng/For credit institutions and non-bank financial institutions:

Chỉ tiêu	Năm X-1	Năm	Ghi chú
1. Quy mô vốn			
- Vốn điều lệ			
Tổng tài sản có			
Tỷ lệ an toàn vốn			
2. Kết quả hoạt động kinh doanh			
Doanh số huy động tiền gửi			
Doanh số cho vay			
Doanh số thu nợ			
Nợ quá hạn			
Nợ khó đòi			
Hệ số sử dụng vốn			
Tỷ lệ nợ bảo lãnh quá hạn/Tổng số dư bảo lãnh			

QUY CHẾ	Mã số: QC.01.06.II	Trang: 4 4 77
CÔNG BỐ THÔNG TIN	Lần sửa đổi: 02	Ngày văn bản:/....../2022

Tỷ lệ nợ khó đòi/Tổng dư nợ			
3. Khả năng thanh khoản			
Khả năng thanh toán ngay			
Khả năng thanh toán chung			

5. Cơ cấu cổ đông, thay đổi vốn đầu tư của chủ sở hữu.

a) Cổ phần: Nêu tổng số cổ phần và loại cổ phần đang lưu hành, số lượng cổ phần chuyển nhượng tự do và số lượng cổ phần bị hạn chế chuyển nhượng theo quy định pháp luật, Điều lệ công ty hay cam kết của người sở hữu. Trường hợp công ty có chứng khoán giao dịch tại nước ngoài hay bảo trợ việc phát hành và niêm yết chứng khoán tại nước ngoài, cần nêu rõ thị trường giao dịch, số lượng chứng khoán được giao dịch hay được bảo trợ và các thông tin quan trọng liên quan đến quyền, nghĩa vụ của công ty liên quan đến chứng khoán giao dịch hoặc được bảo trợ tại nước ngoài.

b) Cơ cấu cổ đông: Nếu cơ cấu cổ đông phân theo các tiêu chí tỷ lệ sở hữu (cổ đông lớn, cổ đông nhỏ); cổ đông tổ chức và cổ đông cá nhân; cổ đông trong nước và cổ đông nước ngoài, cổ đông nhà nước và các cổ đông khác, tỷ lệ sở hữu nước ngoài tối đa.

c) Tình hình thay đổi vốn đầu tư của chủ sở hữu: Nêu các đợt tăng vốn cổ phần kể từ khi thành lập bao gồm các đợt chào bán ra công chúng, chào bán riêng lẻ, chuyển đổi trái phiếu, chuyển đổi chứng quyền, phát hành cổ phiếu thưởng, trả cổ tức bằng cổ phiếu v.v (thời điểm, giá trị, đối tượng chào bán, đơn vị cấp)

d) Giao dịch cổ phiếu quỹ: Nêu số lượng cổ phiếu quỹ hiện tại, liệt kê các giao dịch cổ phiếu quỹ đã thực hiện trong năm bao gồm thời điểm thực hiện giao dịch, giá giao dịch và đối tượng giao dịch.

e) Các chứng khoán khác: nêu các đợt phát hành chứng khoán khác đã thực hiện trong năm. Nêu số lượng, đặc điểm các loại chứng khoán khác hiện đang lưu hành và các cam kết chưa thực hiện của công ty với cá nhân, tổ chức khác (bao gồm cán bộ công nhân viên, người quản lý của công ty) liên quan đến việc phát hành chứng khoán.

6. Báo cáo tác động liên quan đến môi trường và xã hội của công ty

6.1. Tác động lên môi trường:

Tổng phát thải khí nhà kính (GHG) trực tiếp và gián tiếp

Các sáng kiến và biện pháp giảm thiểu phát thải khí nhà kính

6.2. Quản lý nguồn nguyên vật liệu:

a) Tổng lượng nguyên vật liệu được sử dụng để sản xuất và đóng gói các sản phẩm và dịch vụ chính của tổ chức trong năm

b) Báo cáo tỉ lệ phần trăm nguyên vật liệu được tái chế được sử dụng để sản xuất sản phẩm và dịch vụ chính của tổ chức

QUY CHẾ	Mã số: QC.01.06.II	Trang: 45 77
CÔNG BỐ THÔNG TIN	Lần sửa đổi: 02	Ngày văn bản:/..../2022

6.3. Tiêu thụ năng lượng:

- a) Năng lượng tiêu thụ trực tiếp và gián tiếp
- b) Năng lượng tiết kiệm được thông qua các sáng kiến sử dụng năng lượng hiệu quả.
- c) Các báo cáo sáng kiến tiết kiệm năng lượng (cung cấp các sản phẩm và dịch vụ tiết kiệm năng lượng hoặc sử dụng năng lượng tái tạo); báo cáo kết quả của các sáng kiến này

6.4. Tiêu thụ nước: (mức tiêu thụ nước của các hoạt động kinh doanh trong năm)

- a) Nguồn cung cấp nước và lượng nước sử dụng
- b) Tỷ lệ phần trăm và tổng lượng nước tái chế và tái sử dụng

6.5. Tuân thủ pháp luật về bảo vệ môi trường

- a) Số lần bị xử phạt vi phạm do không tuân thủ luật pháp và các quy định về môi trường.
- b) Tổng số tiền do bị xử phạt vi phạm do không tuân thủ luật pháp và các quy định về môi trường.

6.6. Chính sách liên quan đến người lao động

- a) Số lượng lao động, mức lương trung bình đối với người lao động
- b) Chính sách lao động nhằm đảm bảo sức khỏe, an toàn và phúc lợi của người lao động
- c) Hoạt động đào tạo người lao động
 - Số giờ đào tạo trung bình mỗi năm, theo nhân viên và theo phân loại nhân viên
 - Các chương trình phát triển kỹ năng và học tập liên tục để hỗ trợ người lao động đảm bảo có việc làm và phát triển sự nghiệp.

6.7. Báo cáo liên quan đến trách nhiệm đối với cộng đồng địa phương.

Các hoạt động đầu tư cộng đồng và hoạt động phát triển cộng đồng khác, bao gồm hỗ trợ tài chính nhằm phục vụ cộng đồng.

6.8. Báo cáo liên quan đến hoạt động thị trường vốn xanh theo hướng dẫn của UBCKNN.

Lưu ý: (Mục 6 phần II Phụ lục này, công ty có thể lập riêng thành Báo cáo phát triển bền vững, trong đó các mục 6.1, 6.2 và 6.3 không bắt buộc đối với các doanh nghiệp hoạt động trong lĩnh vực dịch vụ tài chính, ngân hàng, chứng khoán, bảo hiểm)

Khuyến khích các doanh nghiệp áp dụng các chuẩn mực báo cáo quốc tế trong việc báo cáo Phát triển bền vững.

III. Báo cáo và đánh giá của Ban Giám đốc (Ban Giám đốc báo cáo và đánh giá về tình hình mọi mặt của công ty)

Báo cáo và đánh giá của Ban Giám đốc tối thiểu phải bao gồm các nội dung sau:

1. Đánh giá kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh

- Phân tích tổng quan về hoạt động của công ty so với kế hoạch/dự tính và các kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh trước đây. Trường hợp kết quả sản xuất kinh doanh không đạt

QUY CHẾ	Mã số: QC.01.06.II	Trang: 46 77
CÔNG BỐ THÔNG TIN	Lần sửa đổi: 02	Ngày văn bản:/...../2022

kế hoạch thì nêu rõ nguyên nhân và trách nhiệm của Ban Giám đốc đối với việc không hoàn thành kế hoạch sản xuất kinh doanh (nếu có).

- Những tiến bộ công ty đã đạt được.

2. Tình hình tài chính

a) Tình hình tài sản

Phân tích tình hình tài sản, biến động tình hình tài sản (phân tích, đánh giá hiệu quả sử dụng tài sản và nợ phải thu quá hạn ảnh hưởng đến kết quả hoạt động kinh doanh)

b) Tình hình nợ phải trả

- Tình hình nợ hiện tại, biến động lớn về các khoản nợ

- Phân tích nợ phải trả quá hạn, ảnh hưởng chênh lệch của tỉ lệ giá hối đoái đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của công ty, ảnh hưởng chênh lệch lãi vay.

3. Những cải tiến về cơ cấu tổ chức, chính sách, quản lý.

4. Kế hoạch phát triển trong tương lai

5. Giải trình của Ban Giám đốc đối với ý kiến kiểm toán (nếu có)- (Trường hợp ý kiến kiểm toán không phải là ý kiến chấp nhận toàn phần).

6. Báo cáo đánh giá liên quan đến trách nhiệm về môi trường và xã hội của công ty

a. Đánh giá liên quan đến các chỉ tiêu môi trường (tiêu thụ nước, năng lượng, phát thải...)/ Assessment.

b. Đánh giá liên quan đến vấn đề người lao động

c. Đánh giá liên quan đến trách nhiệm của doanh nghiệp đối với cộng đồng địa phương

IV. Đánh giá của Hội đồng quản trị về hoạt động của Công ty (đối với công ty cổ phần)

1. Đánh giá của Hội đồng quản trị về các mặt hoạt động của Công ty, trong đó có đánh giá liên quan đến trách nhiệm môi trường và xã hội.

2. Đánh giá của Hội đồng quản trị về hoạt động của Ban Giám đốc công ty

3. Các kế hoạch, định hướng của Hội đồng quản trị

V. Quản trị công ty

1. Hội đồng quản trị

a) Thành viên và cơ cấu của Hội đồng quản trị: (danh sách thành viên Hội đồng quản trị, tỷ lệ sở hữu cổ phần có quyền biểu quyết và các chứng khoán khác do công ty phát hành, nêu rõ thành viên độc lập và các thành viên khác; số lượng chức danh thành viên Hội đồng quản trị, chức danh quản lý do từng thành viên Hội đồng quản trị của công ty nắm giữ tại các công ty khác.

b) Các tiểu ban thuộc Hội đồng quản trị: (Liệt kê các tiểu ban thuộc Hội đồng quản trị và thành viên trong từng tiểu ban).

c) Hoạt động của Hội đồng quản trị: đánh giá hoạt động của Hội đồng quản trị, nêu cụ thể số lượng các cuộc họp Hội đồng quản trị, nội dung và kết quả của các cuộc họp.

d) Hoạt động của thành viên Hội đồng quản trị độc lập. Hoạt động của các tiểu ban

QUY CHẾ	Mã số: QC.01.06.II	Trang: 47 77
CÔNG BỐ THÔNG TIN	Lần sửa đổi: 02	Ngày văn bản:/...../2022

trong Hội đồng quản trị: (đánh giá hoạt động của các tiểu ban thuộc Hội đồng quản trị, nêu cụ thể số lượng các cuộc họp của từng tiểu ban, nội dung và kết quả của các cuộc họp.

e) Danh sách các thành viên Hội đồng quản trị có chứng chỉ đào tạo về quản trị công ty. Danh sách các thành viên Hội đồng quản trị tham gia các chương trình về quản trị công ty trong năm.

2. Ban Kiểm soát/ Ủy ban kiểm toán

a) Thành viên và cơ cấu của Ban kiểm soát/ Ủy ban kiểm toán: (danh sách thành viên Ban kiểm soát, tỷ lệ sở hữu cổ phần có quyền biểu quyết và các chứng khoán khác do công ty phát hành.

b) Hoạt động của Ban kiểm soát/ Ủy ban kiểm toán: (đánh giá hoạt động của Ban kiểm soát/ Ủy ban kiểm toán, nêu cụ thể số lượng các cuộc họp của Ban kiểm soát/ Ủy ban kiểm toán, nội dung và kết quả của các cuộc họp.

3. Các giao dịch, thù lao và các khoản lợi ích của Hội đồng quản trị, Ban giám đốc và Ban kiểm soát/ Ủy ban kiểm toán

a) Lương, thưởng, thù lao, các khoản lợi ích; (Lương, thưởng, thù lao, các khoản lợi ích khác và chi phí cho từng thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát/ Ủy ban kiểm toán, Giám đốc hoặc Tổng Giám đốc và các cán bộ quản lý. Giá trị các khoản thù lao, lợi ích và chi phí này phải được công bố chi tiết cho từng người, ghi rõ số tiền cụ thể. Các khoản lợi ích phi vật chất hoặc các khoản lợi ích chưa thể/ không thể lượng hoá bằng tiền cần được liệt kê và giải trình đầy đủ).

b) Giao dịch cổ phiếu của người nội bộ: (Thông tin về các giao dịch cổ phiếu của các thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát/ Ủy ban kiểm toán, Giám đốc (Tổng Giám đốc), Kế toán trưởng, các cán bộ quản lý, Thư ký công ty, cổ đông lớn và những người liên quan tới các đối tượng nói trên.

c) Hợp đồng hoặc giao dịch với người nội bộ: Thông tin về hợp đồng, hoặc giao dịch đã được ký kết hoặc đã được thực hiện trong năm với công ty, các công ty con, các công ty mà công ty nắm quyền kiểm soát của thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát/ Ủy ban kiểm toán, Giám đốc (Tổng Giám đốc), các cán bộ quản lý và những người liên quan tới các đối tượng nói trên

d) Đánh giá việc thực hiện các quy định về quản trị công ty: (Nêu rõ những nội dung chưa thực hiện được theo quy định pháp luật về quản trị công ty. Nguyên nhân, giải pháp và kế hoạch khắc phục/kế hoạch tăng cường hiệu quả trong hoạt động quản trị công ty.

VI. Báo cáo tài chính

1. Ý kiến kiểm toán

2. Báo cáo tài chính được kiểm toán (Báo cáo tài chính năm đã được kiểm toán bao gồm: Bảng cân đối kế toán; Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh; Báo cáo lưu chuyển tiền tệ; Bản thuyết minh Báo cáo tài chính theo quy định pháp luật về kế toán và kiểm toán. Trường hợp theo quy định pháp luật về kế toán và kiểm toán, công ty phải lập Báo cáo tài chính hợp nhất hoặc Báo cáo tài chính tổng hợp thì Báo cáo tài chính trình bày trong Báo cáo thường niên là Báo cáo tài chính hợp nhất hoặc Báo cáo tài chính tổng hợp đồng thời nêu địa chỉ công bố, cung cấp báo cáo tài chính của công ty mẹ.

QUY CHẾ	Mã số: QC.01.06.II	Trang: 48 77
CÔNG BỐ THÔNG TIN	Lần sửa đổi: 02	Ngày văn bản:/..../2022

Nơi nhận:

-;
- Lưu: VT, ...

**XÁC NHẬN CỦA ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT
CỦA CÔNG TY**

(Ký, ghi rõ họ tên, đóng dấu)

QUY CHẾ	Mã số: QC.01.06.II	Trang: 4 9 77
CÔNG BỐ THÔNG TIN	Lần sửa đổi: 02	Ngày văn bản:/..../2022

PHỤ LỤC 04
BÁO CÁO TÌNH HÌNH QUẢN TRỊ CÔNG TY

**CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN
NGÂN HÀNG CÔNG THƯƠNG VIỆT NAM**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: .../BC-....

..., ngày... tháng... năm....

BÁO CÁO
Tình hình quản trị công ty
(6 tháng/năm)

Kính gửi:

- Ủy ban chứng khoán Nhà nước;
- Sở Giao dịch chứng khoán.

- Tên công ty:
- Địa chỉ trụ sở chính:
- Điện thoại: Fax: Email:
- Vốn điều lệ:
- Mã chứng khoán:
- Mô hình quản trị công ty:
 - + Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị, Ban Kiểm soát và Tổng Giám đốc.
 - + Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc và có Ủy ban kiểm toán thuộc Hội đồng quản trị.
- Về việc thực hiện chức năng kiểm toán nội bộ: Đã thực hiện/ Chưa thực hiện.

I. Hoạt động của Đại hội đồng cổ đông

Thông tin về các cuộc họp và Nghị quyết/Quyết định của Đại hội đồng cổ đông (bao gồm cả các Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông được thông qua dưới hình thức lấy ý kiến bằng văn bản)

STT	Số Nghị quyết/Quyết định	Ngày	Nội dung

II. Hội đồng quản trị (Báo cáo 6 tháng/năm):

1. Thông tin về thành viên Hội đồng quản trị (HDQT):

QUY CHẾ	Mã số: QC.01.06.II	Trang: 50 77
CÔNG BỐ THÔNG TIN	Lần sửa đổi: 02	Ngày văn bản:/..../2022

STT	Thành viên HĐQT	Chức vụ (thành viên HĐQT độc lập, TV HĐQT không điều hành)	Ngày bắt đầu/không còn là thành viên HĐQT/ HĐQT độc lập	
			Ngày bổ nhiệm	Ngày miễn nhiệm
	Ông/Bà			

2. Các cuộc họp HĐQT:

STT	Thành viên HĐQT	Số buổi họp HĐQT tham dự	Tỷ lệ tham dự họp	Lý do không tham dự họp
	Ông/Bà			

3. Hoạt động giám sát của HĐQT đối với Ban Giám đốc:

4. Hoạt động của các tiểu ban thuộc Hội đồng quản trị (nếu có):

5. Các Nghị quyết/Quyết định của Hội đồng quản trị (Báo cáo 6 tháng /năm):

STT	Số Nghị quyết/ Quyết định	Ngày	Nội dung	Tỷ lệ thông qua

III. Ban kiểm soát/ Ủy ban Kiểm toán (Báo cáo 6 tháng/năm:

1. Thông tin về thành viên Ban Kiểm soát (BKS)/Ủy ban Kiểm toán:

STT	Thành viên BKS/ Ủy ban Kiểm toán	Chức vụ	Ngày bắt đầu/không còn là thành viên BKS/ Ủy ban Kiểm toán	Trình độ chuyên môn
	Ông/Bà Mr./Ms.			

2. Cuộc họp của BKS/ Ủy ban Kiểm toán

STT	Thành viên BKS/ Ủy ban Kiểm toán	Số buổi họp tham dự	Tỷ lệ tham dự họp	Tỷ lệ biểu quyết	Lý do không tham dự họp
	Ông/Bà				

3. Hoạt động giám sát của BKS/ Ủy ban Kiểm toán đối với HĐQT, Ban Giám đốc

QUY CHẾ	Mã số: QC.01.06.II	Trang: 51 77
CÔNG BỐ THÔNG TIN	Lần sửa đổi: 02	Ngày văn bản:/...../2022

điều hành và cổ đông:

4. Sự phối hợp hoạt động giữa BKS/ Ủy ban Kiểm toán đối với hoạt động của HĐQT, Ban Giám đốc điều hành và các cán bộ quản lý khác

5. Hoạt động khác của BKS/ Ủy ban Kiểm toán (nếu có):

IV. Ban điều hành

STT	Thành viên Ban điều hành	Ngày tháng năm sinh	Trình độ chuyên môn	Ngày bổ nhiệm/ miễn nhiệm thành viên Ban điều hành/
	Ông/ Bà			

V. Kế toán trưởng

Họ và tên	Ngày tháng năm sinh	Trình độ chuyên môn nghiệp vụ	Ngày bổ nhiệm/ miễn nhiệm

VI. Đào tạo về quản trị công ty

Các khóa đào tạo về quản trị công ty mà các thành viên HĐQT, thành viên BKS, Giám đốc (Tổng Giám đốc) điều hành, các cán bộ quản lý khác và Thư ký công ty đã tham gia theo quy định về quản trị công ty:

VII. Danh sách về người có liên quan của công ty đại chúng (Báo cáo 6 tháng/năm) và giao dịch của người có liên quan của công ty với chính Công ty

1. Danh sách về người có liên quan của công ty

STT	Tên tổ chức/cá nhân	Tài khoản giao dịch chứng khoán(nếu có)	Chức vụ tại công ty (nếu có)	Số Giấy NSH*, ngày cấp, nơi cấp NSH	Địa chỉ trụ sở chính/ Địa chỉ liên hệ	Thời điểm bắt đầu là người có liên quan	Thời điểm không còn là người có liên quan	Lý do	Mối quan hệ liên quan với công ty

Ghi chú: số Giấy NSH*: số CMND/Hộ chiếu (đối với cá nhân) hoặc Số Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp, Giấy phép hoạt động hoặc giấy tờ pháp lý tương đương (đối với tổ chức).

2. Giao dịch giữa công ty với người có liên quan của công ty; hoặc giữa công ty với cổ đông lớn, người nội bộ, người có liên quan của người nội bộ.

QUY CHẾ	Mã số: QC.01.06.II	Trang: 52 77
CÔNG BỐ THÔNG TIN	Lần sửa đổi: 02	Ngày văn bản:/...../2022

STT	Tên tổ chức/cá nhân	Mối quan hệ liên quan với công ty	Số Giấy NSH*, ngày cấp, nơi cấp	Địa chỉ trụ sở chính/ Địa chỉ liên hệ	Thời điểm giao dịch với công ty	Số Nghị quyết/ Quyết định của ĐHĐCĐ/ HĐQT... thông qua (nếu có, nêu rõ ngày ban hành)	Nội dung, số lượng, tổng giá trị giao dịch	Ghi chú

Ghi chú: số Giấy NSH*: số CMND/ Hộ chiếu (đối với cá nhân) hoặc số Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp, Giấy phép hoạt động hoặc giấy tờ pháp lý tương đương (đối với tổ chức).

3. Giao dịch giữa người nội bộ công ty, người có liên quan của người nội bộ với công ty con, công ty do công ty nắm quyền kiểm soát

STT	Người thực hiện giao dịch	Quan hệ với người nội bộ	Chức vụ tại CTNY	Số CMND/Hộ chiếu, ngày cấp, nơi cấp	Địa chỉ	Tên công ty con, công ty do CTNY nắm quyền kiểm soát	Thời điểm giao dịch	Nội dung, số lượng, tổng giá trị giao dịch	Ghi chú

4. Giao dịch giữa công ty với các đối tượng khác

4.1. Giao dịch giữa công ty với công ty mà thành viên HĐQT, thành viên Ban Kiểm soát, Giám đốc (Tổng Giám đốc) và người quản lý khác đã và đang là thành viên sáng lập hoặc thành viên HĐQT, Giám đốc (Tổng Giám đốc) điều hành trong thời gian ba (03) năm trở lại đây (tính tại thời điểm lập báo cáo).

4.2. Giao dịch giữa công ty với công ty mà người có liên quan của thành viên HĐQT, thành viên Ban Kiểm soát, Giám đốc (Tổng Giám đốc) và người quản lý khác là thành viên HĐQT, Giám đốc (Tổng Giám đốc) điều hành.

4.3. Các giao dịch khác của công ty (nếu có) có thể mang lại lợi ích vật chất hoặc phi vật chất đối với thành viên HĐQT, thành viên Ban Kiểm soát, Giám đốc (Tổng Giám đốc) và người quản lý khác.

VIII. Giao dịch cổ phiếu của người nội bộ và người liên quan của người nội bộ (Báo cáo 6 tháng/năm)

1. Danh sách người nội bộ và người có liên quan của người nội bộ

QUY CHẾ	Mã số: QC.01.06.II	Trang: 53 77
CÔNG BỐ THÔNG TIN	Lần sửa đổi: 02	Ngày văn bản:/...../2022

STT	Họ tên	Tài khoản giao dịch chứng khoán (nếu có)	Chức vụ tại công ty (nếu có)	Số CMND /Hộ chiếu, ngày cấp, nơi cấp	Địa chỉ liên hệ	Số cổ phiếu sở hữu cuối kỳ	Tỷ lệ sở hữu cổ phiếu cuối kỳ	Ghi chú
1	(Tên người nội bộ)							
	Tên người có liên quan của người nội bộ							
	...							
2								

2. Giao dịch của người nội bộ và người có liên quan đối với cổ phiếu của công ty/
Transactions of internal persons and affiliated persons with shares of the company

STT	Người thực hiện giao dịch	Quan hệ với người nội bộ	Số cổ phiếu sở hữu đầu kỳ		Số cổ phiếu sở hữu cuối kỳ		Lý do tăng, giảm (mua, bán, chuyển đổi, thưởng...)
			Số cổ phiếu	Tỷ lệ	Số cổ phiếu	Tỷ lệ	

IX. Các vấn đề cần lưu ý khác

Nơi nhận:

- ...;
- Lưu: VT, ...

CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
(Ký, ghi rõ họ tên và đóng dấu)

QUY CHẾ	Mã số: QC.01.06.II	Trang: 54 77
CÔNG BỐ THÔNG TIN	Lần sửa đổi: 02	Ngày văn bản:/...../2022

Handwritten signature

PHỤ LỤC 05

BÁO CÁO ĐỊNH KỲ TÌNH HÌNH THANH TOÁN GỐC, LÃI TRÁI PHIẾU DOANH NGHIỆP

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN
NGÂN HÀNG CÔNG THƯƠNG VIỆT NAMCỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: .../BC-....

..., ngày... tháng... năm....

BÁO CÁO

Định kỳ tình hình thanh toán gốc, lãi trái phiếu doanh nghiệp

Kính gửi:

- Ủy ban Chứng khoán Nhà nước;
- Sở Giao dịch chứng khoán.

I. Báo cáo tình hình thanh toán gốc, lãi trái phiếu

(Kỳ báo cáo từ ngày... đến ngày...)

STT	Kỳ hạn	Ngày phát hành	Ngày đáo hạn	Số dư đầu kỳ		Thanh toán trong kỳ		Dư nợ cuối kỳ	
				Gốc	Lãi	Gốc	Lãi	Gốc	Lãi
1	1 năm								
2	2 năm								

Ghi chú: Trường hợp không thanh toán được, nêu rõ lý do

II Báo cáo tình hình nắm giữ trái phiếu theo nhà đầu tư

(Kỳ báo cáo từ ngày ... đến ngày...)

Loại Nhà đầu tư	Dư nợ đầu kỳ		Thay đổi trong kỳ		Dư nợ cuối kỳ	
	Giá trị	Tỷ trọng	Giá trị	Tỷ trọng	Giá trị	Tỷ trọng
I. Nhà đầu tư trong nước						
I. Nhà đầu tư có tổ chức						
a) Tổ chức tín dụng*						
b) Quỹ đầu tư						

QUY CHẾ	Mã số: QC.01.06.II	Trang: 5 5 77
CÔNG BỐ THÔNG TIN	Lần sửa đổi: 02	Ngày văn bản:/...../2022

c) Công ty chứng khoán						
d) Công ty Bảo hiểm						
đ) Các tổ chức khác						
2. Nhà đầu tư cá nhân						
II. Nhà đầu tư nước ngoài						
1. Nhà đầu tư có tổ chức						
a) Tổ chức tín dụng						
b) Quỹ đầu tư						
c) Công ty chứng khoán						
d) Công ty Bảo hiểm						
đ) Các tổ chức khác						
2. Nhà đầu tư cá Nhân						
Tổng						

* Tổ chức tín dụng bao gồm: ngân hàng thương mại, công ty tài chính, công ty cho thuê tài chính, tổ chức tài chính vi mô, quỹ tín dụng nhân dân

Nơi nhận:

- ...;
- Lưu: VT,

**XÁC NHẬN ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT CỦA
TỔ CHỨC PHÁT HÀNH TRÁI PHIẾU**
(Ký, ghi rõ họ tên và đóng dấu)

QUY CHẾ	Mã số: QC.01.06.II	Trang: 56 77
CÔNG BỐ THÔNG TIN	Lần sửa đổi: 02	Ngày văn bản:/...../2022

Handwritten signature

PHỤ LỤC 06

**BÁO CÁO VỀ NGÀY TRỞ THÀNH/KHÔNG CÒN LÀ CỔ ĐÔNG LỚN, NHÀ ĐẦU TƯ
NẮM GIỮ TỪ 5% TRỞ LÊN CỔ PHIẾU/ CHỨNG CHỈ QUỸ ĐÓNG**

**CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN
NGÂN HÀNG CÔNG THƯƠNG VIỆT NAM**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: .../BC-....

..., ngày... tháng... năm....

BÁO CÁO

**Về ngày trở thành/ không còn là cổ đông lớn nhất, nhà đầu tư nắm giữ từ 5% trở lên
cổ phiếu/chứng chỉ quỹ đóng**

Kính gửi:

- Ủy ban Chứng khoán Nhà nước;
- Sở Giao dịch Chứng khoán;
- Tên Công ty đại chúng

1. Thông tin về cá nhân/tổ chức đầu tư:

- Họ và tên cá nhân/Tên tổ chức đầu tư:
- Quốc tịch:
- Số CMND, Hộ chiếu, Thẻ căn cước (đối với cá nhân) hoặc số Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp, Giấy phép hoạt động hoặc giấy tờ pháp lý tương đương (đối với tổ chức), ngày cấp, nơi cấp.
- Địa chỉ liên hệ/Địa chỉ trụ sở chính:
- Điện thoại: Fax: Email: Website:.....

2. Người có liên quan của cá nhân/tổ chức đầu tư (đang nắm giữ cùng loại cổ phiếu/chứng chỉ quỹ):

- Họ và tên cá nhân/Tên tổ chức có liên quan:
- Quốc tịch:
- Số CMND, Hộ chiếu, Thẻ căn cước (đối với cá nhân) hoặc số Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp, Giấy phép hoạt động hoặc giấy tờ pháp lý tương đương (đối với tổ chức), ngày cấp, nơi cấp.
- Chức vụ hiện nay tại công ty đại chúng/công ty quản lý quỹ (nếu có):
- Mối quan hệ với cá nhân/tổ chức đầu tư:
- Tỷ lệ sở hữu chứng khoán:

3. Tên cổ phiếu/chứng chỉ quỹ/mã chứng khoán sở hữu:

4. Các tài khoản giao dịch có chứng khoán nêu tại mục 3: Tại công ty chứng khoán

5. Số lượng, tỷ lệ cổ phiếu/chứng chỉ quỹ nắm giữ trước khi thực hiện giao dịch:

6. Số lượng cổ phiếu/chứng chỉ quỹ đã mua/bán/chuyển nhượng/nhận chuyển

QUY CHẾ	Mã số: QC.01.06.II	Trang: 57 77
CÔNG BỐ THÔNG TIN	Lần sửa đổi: 02	Ngày văn bản:/...../2022

nhượng/hoán đổi tại ngày làm thay đổi tỷ lệ sở hữu và trở thành/hoặc không còn là cổ đông lớn/nhà đầu tư sở hữu từ 5% cổ phiếu/ chứng chỉ quỹ của quỹ đóng

7. Số lượng, tỷ lệ cổ phiếu/chứng chỉ quỹ nắm giữ sau khi thực hiện giao dịch (hoặc thực hiện hoán đổi)

8. Ngày thực hiện giao dịch (hoặc thực hiện hoán đổi) làm thay đổi tỷ lệ sở hữu và trở thành cổ đông lớn/không còn là cổ đông lớn/nhà đầu tư nắm giữ từ 5% chứng chỉ quỹ của quỹ đóng.

9. Số lượng, tỷ lệ cổ phiếu/chứng chỉ quỹ người có liên quan đang nắm giữ:

10. Số lượng, tỷ lệ cổ phiếu/chứng chỉ quỹ cùng người có liên quan nắm giữ sau khi giao dịch:

Nơi nhận:

- ...;

- Lưu: VT, ...

**CÁ NHÂN/TỔ CHỨC BÁO CÁO/NGƯỜI ĐƯỢC
ỦY QUYỀN CÔNG BỐ THÔNG TIN**
(Ký, ghi rõ họ tên, đóng dấu – nếu có)

QUY CHẾ	Mã số: QC.01.06.II	Trang: 5 8 77
CÔNG BỐ THÔNG TIN	Lần sửa đổi: 02	Ngày văn bản:/.../2022

PHỤ LỤC 07

**BÁO CÁO VỀ THAY ĐỔI SỞ HỮU CỦA CỔ ĐÔNG LỚN, NHÀ ĐẦU TƯ NẮM GIỮ TỪ
5% TRỞ LÊN CỔ PHIẾU/CHỨNG CHỈ QUỸ ĐÓNG**

**CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN
NGÂN HÀNG CÔNG THƯƠNG VIỆT NAM**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: .../BC-....

..., ngày... tháng... năm....

BÁO CÁO

**Về thay đổi sở hữu của cổ đông lớn, nhà đầu tư nắm giữ từ 5% trở lên cổ phiếu/
chứng chỉ quỹ đóng**

Kính gửi:

- Ủy ban Chứng khoán Nhà nước;
- Sở Giao dịch Chứng khoán;
- Tên Công ty đại chúng.

1. Thông tin về cá nhân/tổ chức đầu tư
 - Họ và tên cá nhân/Tên tổ chức đầu tư
 - Quốc tịch:
 - Số CMND, Hộ chiếu, Thẻ căn cước (đối với cá nhân) hoặc số Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp, Giấy phép hoạt động hoặc giấy tờ pháp lý tương đương (đối với tổ chức), ngày cấp, nơi cấp
 - Địa chỉ liên hệ/Địa chỉ trụ sở chính:
 - Điện thoại: Fax: Email: Website:
2. Người có liên quan của cá nhân/tổ chức đầu tư (đang nắm giữ cùng loại cổ phiếu/chứng chỉ quỹ):
 - Họ và tên cá nhân/Tên tổ chức có liên quan:
 - Quốc tịch:
 - Số CMND, Hộ chiếu, Thẻ căn cước (đối với cá nhân) hoặc số Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp, Giấy phép hoạt động hoặc giấy tờ pháp lý tương đương (đối với tổ chức), ngày cấp, nơi cấp:
 - Chức vụ hiện nay tại công ty đại chúng/công ty quản lý quỹ (nếu có):
 - Mối quan hệ với cá nhân/tổ chức đầu tư:
3. Tên cổ phiếu/chứng chỉ quỹ/mã chứng khoán sở hữu:
4. Các tài khoản giao dịch có chứng khoán nêu tại mục 3:
5. Số lượng, tỷ lệ cổ phiếu/chứng chỉ quỹ nắm giữ trước khi thực hiện giao dịch:
6. Số lượng cổ phiếu/chứng chỉ quỹ đã mua/bán/chuyển nhượng/nhận chuyển

QUY CHẾ	Mã số: QC.01.06.II	Trang: 59 77
CÔNG BỐ THÔNG TIN	Lần sửa đổi: 02	Ngày văn bản:/...../2022

nhượng/hoán đổi:

7. Số lượng, tỷ lệ cổ phiếu/chứng chỉ quỹ đóng nắm giữ sau khi thực hiện giao dịch:
8. Số lượng, tỷ lệ cổ phiếu/chứng chỉ quỹ đóng mà người có liên quan đang nắm giữ:
9. Số lượng, tỷ lệ cổ phiếu/chứng chỉ quỹ đóng cùng người có liên quan nắm giữ sau khi thực hiện giao dịch:
10. Lý do thay đổi sở hữu:
11. Ngày giao dịch làm thay đổi tỷ lệ sở hữu:
12. Các thay đổi quan trọng khác (nếu có):

Nơi nhận:

-;
- Lưu: VT, ...

**CÁ NHÂN/TỔ CHỨC BÁO CÁO/ NGƯỜI ĐƯỢC
ỦY QUYỀN CÔNG BỐ THÔNG TIN**
(Ký, ghi rõ họ tên, đóng dấu - nếu có)

QUY CHẾ	Mã số: QC.01.06.II	Trang: 60 77
CÔNG BỐ THÔNG TIN	Lần sửa đổi: 02	Ngày văn bản:/.../2022

PHỤ LỤC 08
MẪU CÔNG BỐ THÔNG TIN BẤT THƯỜNG

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN
NGÂN HÀNG CÔNG THƯƠNG VIỆT NAM

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số:/CBTT-CKCT...

..., ngày... tháng... năm....

CÔNG BỐ THÔNG TIN BẤT THƯỜNG

Kính gửi: Ủy ban Chứng khoán Nhà nước
Sở Giao dịch Chứng khoán Việt Nam
Trung tâm Lưu ký Chứng khoán Việt Nam/Tổng Công ty Bù trừ
Lưu ký Chứng khoán Việt Nam
Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội
Sở Giao dịch Chứng khoán Tp.Hồ Chí Minh

1. Tên tổ chức:

- Mã chứng khoán:
- Địa chỉ:
- Điện thoại: Fax:
- Email:

2. Nội dung thông tin công bố:

.....
.....
.....

(Đối với trường hợp đính chính hoặc thay thế thông tin đã công bố, cần nêu rõ nguyên nhân đính chính hoặc thay thế)

3. Thông tin này đã được công bố trên trang thông tin điện tử của Công ty vào ngày/.../.... tại đường dẫn http://

Chúng tôi cam kết các thông tin công bố trên đây là đúng sự thật và hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật về nội dung các thông tin đã công bố.

Tài liệu đính kèm:

Đại diện tổ chức

Tài liệu liên quan đến nội dung thông tin công bố Người đại diện theo pháp luật/Người UQ CNTT
(Ký, ghi rõ họ tên, chức vụ, đóng dấu)

QUY CHẾ	Mã số: QC.01.06.II	Trang: 61 77
CÔNG BỐ THÔNG TIN	Lần sửa đổi: 02	Ngày văn bản:/.../2022

PHỤ LỤC 09
MẪU THÔNG BÁO THAY ĐỔI NHÂN SỰ

**CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN
NGÂN HÀNG CÔNG THƯƠNG VIỆT NAM**

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số:/CBTT-CKCT...

..., ngày... tháng... năm....

THÔNG BÁO THAY ĐỔI NHÂN SỰ

Kính gửi: Ủy ban Chứng khoán Nhà nước
Sở Giao dịch Chứng khoán Việt Nam
Trung tâm Lưu ký Chứng khoán Việt Nam/Tổng Công ty Bù trừ
Lưu ký Chứng khoán Việt Nam
Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội
Sở Giao dịch Chứng khoán Tp.Hồ Chí Minh

Căn cứ theo Nghị quyết HĐQT số ngày....và/hoặc Nghị quyết ĐHĐCĐ số... ngày...., của Công ty Chứng khoán Công thương, chúng tôi trân trọng thông báo việc thay đổi nhân sự của Công ty Chứng khoán Công thương như sau:

Trường hợp bổ nhiệm:

- Ông/bà:
- Chức vụ trước khi bổ nhiệm:
- Chức vụ được bổ nhiệm:
- Thời hạn bổ nhiệm:
- Ngày bắt đầu có hiệu lực:

Trường hợp miễn nhiệm/từ nhiệm:

- Ông/bà:
- Không còn đảm nhận chức vụ:
- Lý do miễn nhiệm (nếu có):
- Ngày bắt đầu có hiệu lực:

Thông tin này đã được công bố trên trang thông tin điện tử của Công ty vào ngày .../.../... tại đường dẫn

Tài liệu đính kèm:

- Quyết định HĐQT/Nghị quyết ĐHĐCĐ về việc thay đổi nhân sự;
- Danh sách người có liên quan.

CÁ NHÂN/TỔ CHỨC BẢO CÁO/ NGƯỜI ĐƯỢC

ỦY QUYỀN CÔNG BỐ THÔNG TIN

(Ký, ghi rõ họ tên, đóng dấu - nếu có)

QUY CHẾ	Mã số: QC.01.06.II	Trang: 6 2 77
CÔNG BỐ THÔNG TIN	Lần sửa đổi: 02	Ngày văn bản:/...../2022

PHỤ LỤC 10

DANH SÁCH NGƯỜI NỘI BỘ VÀ NHỮNG NGƯỜI CÓ LIÊN QUAN

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN
NGÂN HÀNG CÔNG THƯƠNG VIỆT NAM

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số:/.....

..., ngày... tháng... năm....

DANH SÁCH NGƯỜI NỘI BỘ VÀ NHỮNG NGƯỜI CÓ LIÊN QUAN

Kính gửi: Sở Giao dịch Chứng khoán

I. Danh sách Người nội bộ

STT	Tên cá nhân/tổ chức	Số tài khoản giao dịch (nếu có)	Chức vụ	Địa chỉ	Loại hình ID (CMND/ Hộ chiếu/ Giấy ĐKDN)	Số ID	Ngày cấp	Nơi cấp	SLCP cá nhân sở hữu	SLCP đại diện sở hữu (nếu có)	Ngày bổ nhiệm	Ngày miễn nhiệm	Điện thoại và Fax	Quốc tịch	Ghi chú

Ghi chú:

1. Người nội bộ được hiểu theo quy định tại Điều 5 Quy chế này;
2. Nếu Người nội bộ là người đại diện vốn cho tổ chức khác làm thành viên HĐQT, Ban Tổng Giám đốc, Ban Kiểm soát của Công ty thì ghi rõ thông tin liên quan của tổ chức và người đại diện sở hữu vốn đó.
3. Đối với công ty chứng khoán thành viên, chỉ cung cấp thông tin của Người được ủy quyền CBTT và người có liên quan của Người được ủy quyền CBTT.

II. Danh sách những người có liên quan của người nội bộ

QUY CHẾ	Mã số: QC.01.06.II	Trang: 63 77
CÔNG BỐ THÔNG TIN	Lần sửa đổi: 02	Ngày văn bản:/...../2022

STT	Tên cá nhân/ Tổ chức	Số tài khoản giao dịch (nếu có)	Chức vụ/ Mỗi quan hệ	Địa chỉ	Loại hình ID (CMND/ Hộ chiếu/ Giấy ĐKKD)	Số ID	Ngày cấp	Nơi cấp	SLCP cá nhân sở hữu	SLCP địa diện sở hữu (nếu có)	Điện thoại/ Fax	Quốc tịch	Ghi chú

Ghi chú:

Người có liên quan của người nội bộ được định nghĩa tại Điều 5 Quy chế này.

Đại diện tổ chức

Người đại diện theo pháp luật/Người được ủy quyền CBTT
(Ký, ghi rõ họ tên, chức vụ, đóng dấu)

QUY CHẾ	Mã số: QC.01.06.II	Trang: 64 77
CÔNG BỐ THÔNG TIN	Lần sửa đổi: 02	Ngày văn bản:/..../2022

PHỤ LỤC II

THAY ĐỔI NGƯỜI CÓ LIÊN QUAN CỦA NGƯỜI NỘI BỘ

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN
NGÂN HÀNG CÔNG THƯƠNG VIỆT NAM

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số:/.....

..., ngày... tháng... năm....

THAY ĐỔI NGƯỜI CÓ LIÊN QUAN CỦA NGƯỜI NỘI BỘ

Kính gửi: Ủy ban Chứng khoán Nhà nước
Sở Giao dịch Chứng khoán Việt Nam
Trung tâm Lưu ký Chứng khoán Việt Nam/Tổng Công ty Bù trừ
Lưu ký Chứng khoán Việt Nam
Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội
Sở Giao dịch Chứng khoán Tp.Hồ Chí Minh

1. Người nội bộ:

- Ông/bà:
- Chức vụ:

2. Người có liên quan:

- Ông/bà:
- Địa chỉ liên lạc:
- Điện thoại:
- Email:
- Số ID, ngày cấp:
- Mối quan hệ mới phát sinh/Mối quan hệ trước đây đối với người nội bộ:
- Lý do phát sinh mối quan hệ liên quan/không còn liên quan:
- Số lượng cổ phiếu của cá nhân/dại diện sở hữu:
- Ngày bắt đầu có hiệu lực:

Nơi nhận:

- ...;
- Lưu: VT,

CÁ NHÂN/TỔ CHỨC BÁO CÁO/ NGƯỜI ĐƯỢC
ỦY QUYỀN CÔNG BỐ THÔNG TIN
(Ký, ghi rõ họ tên, đóng dấu - nếu có)

QUY CHẾ	Mã số: QC.01.06.II	Trang: 6 5 77
CÔNG BỐ THÔNG TIN	Lần sửa đổi: 02	Ngày văn bản:/...../2022

PHỤ LỤC 12

CÔNG BỐ THÔNG TIN THAY ĐỔI SỐ LƯỢNG CỔ PHIẾU CÓ QUYỀN BIỂU QUYẾT

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN
NGÂN HÀNG CÔNG THƯƠNG VIỆT NAM

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số:/CBTT-CKCT...

..., ngày... tháng... năm....

THÔNG BÁO THAY ĐỔI SỐ LƯỢNG CỔ PHIẾU CÓ QUYỀN BIỂU QUYẾT

Kính gửi: Ủy ban Chứng khoán Nhà nước
Sở Giao dịch Chứng khoán Việt Nam
Trung tâm Lưu ký Chứng khoán Việt Nam/Tổng Công ty Bù trừ
Lưu ký Chứng khoán Việt Nam
Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội
Sở Giao dịch Chứng khoán Tp.Hồ Chí Minh

- Tên tổ chức:
- Mã chứng khoán:
- Địa chỉ trụ sở chính:
- Điện thoại: Fax:
- Website:

STT	Nội dung	Trước khi thay đổi	Thay đổi	Sau khi thay đổi	Lý do thay đổi
1	Vốn điều lệ (VNĐ)				
2	Tổng số cổ phiếu				
3	Số lượng cổ phiếu quỹ				
4	Số lượng cổ phiếu có quyền biểu quyết đang lưu hành				
5	Số lượng cổ phiếu ưu đãi khác (nếu có)				

Tài liệu đính kèm:

Giấy chứng nhận đăng ký chứng khoán
thay đổi/các tài liệu khác có liên quan

Đại diện tổ chức

Người đại diện theo pháp luật/Người UQ CNTT
(Ký, ghi rõ họ tên, chức vụ, đóng dấu)

QUY CHẾ	Mã số: QC.01.06.II	Trang: 66 77
CÔNG BỐ THÔNG TIN	Lần sửa đổi: 02	Ngày văn bản:/....../2022

PHỤ LỤC 13

MẪU THÔNG BÁO THAY ĐỔI GIẤY PHÉP THÀNH LẬP VÀ HOẠT ĐỘNG

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN
NGÂN HÀNG CÔNG THƯƠNG VIỆT NAM

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số:/CBTT-CKCT...

..., ngày... tháng... năm....

THÔNG BÁO THAY ĐỔI GIẤY PHÉP THÀNH LẬP VÀ HOẠT ĐỘNG

Kính gửi: Ủy ban Chứng khoán Nhà nước
Sở Giao dịch Chứng khoán Việt Nam
Trung tâm Lưu ký Chứng khoán Việt Nam/Tổng Công ty Bù trừ
Lưu ký Chứng khoán Việt Nam
Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội
Sở Giao dịch Chứng khoán Tp.Hồ Chí Minh

Căn cứ theo Giấy phép thành lập và hoạt động số... ngày.../.../... do (cơ quan) cấp, chúng tôi trân trọng thông báo việc thay đổi Giấy phép thành lập và hoạt động của Công ty chúng tôi như sau:

- Tên tổ chức:
- Mã chứng khoán:
- Địa chỉ:
- Điện thoại liên hệ: Fax:
- Email:
- Website:

1. Thông tin trước khi thay đổi:
2. Thông tin sau khi thay đổi:
3. Lý do thay đổi (nếu có):
4. Ngày có hiệu lực:
5. Ngày nhận được Giấy phép thành lập và hoạt động:
6. Thông tin này đã được công bố trên trang thông tin điện tử của Công ty vào ngày .../.../... tại đường dẫn .../.../...

Tài liệu đính kèm:

- Giấy phép thành lập và hoạt động mới.....

CÁ NHÂN/TỔ CHỨC BÁO CÁO/ NGƯỜI ĐƯỢC

ỦY QUYỀN CÔNG BỐ THÔNG TIN

(Ký, ghi rõ họ tên, đóng dấu - nếu có)

QUY CHẾ	Mã số: QC.01.06.II	Trang: 67 77
CÔNG BỐ THÔNG TIN	Lần sửa đổi: 02	Ngày văn bản:/.../2022

PHỤ LỤC 14

THÔNG BÁO GIAO DỊCH CỔ PHIẾU/ CHỨNG CHỈ QUỸ/ CHỨNG QUYỀN CÓ BẢO ĐẢM CỦA NGƯỜI NỘI BỘ VÀ NGƯỜI CÓ LIÊN QUAN CỦA NGƯỜI NỘI BỘ

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN
NGÂN HÀNG CÔNG THƯƠNG VIỆT NAM

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số:/TB-CKCT...

..., ngày... tháng... năm....

THÔNG BÁO

Giao dịch cổ phiếu/ chứng chỉ quỹ/ chứng quyền có bảo đảm của người nội bộ và người có liên quan của người nội bộ

Kính gửi: - Ủy ban Chứng khoán Nhà nước;
 - Sở Giao dịch chứng khoán;
 - Tên Công ty đại chúng/Công ty quản lý quỹ đầu tư chứng khoán.

1. Thông tin về cá nhân/tổ chức thực hiện giao dịch:

- Họ và tên cá nhân/Tên tổ chức:
- Quốc tịch:
- Số CMND, Hộ chiếu, Thẻ căn cước (đối với cá nhân) hoặc số Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp, Giấy phép hoạt động hoặc giấy tờ pháp lý tương đương (đối với tổ chức), ngày cấp, nơi cấp:
- Địa chỉ liên hệ/Địa chỉ trụ sở chính:
- Điện thoại: Fax:..... Email:..... Website:.....
- Chức vụ hiện nay tại công ty đại chúng, công ty quản lý quỹ (nếu có) hoặc mối quan hệ với công ty đại chúng, công ty quản lý quỹ:

2. Thông tin về người nội bộ của công ty đại chúng/quỹ đại chúng là người có liên quan của cá nhân/tổ chức thực hiện giao dịch (đối với trường hợp người thực hiện giao dịch là người có liên quan của người nội bộ của công ty đại chúng/quỹ đại chúng):

- Họ và tên người nội bộ:
- Quốc tịch:
- Số CMND, Hộ chiếu, Thẻ căn cước:
- Địa chỉ thường trú:
- Điện thoại liên hệ:..... Fax: Email:
- Chức vụ hiện nay tại công ty đại chúng, công ty quản lý quỹ:
- Mối quan hệ giữa cá nhân/tổ chức thực hiện giao dịch với người nội bộ:
- Số lượng, tỷ lệ cổ phiếu/chứng chỉ quỹ/chứng quyền có bảo đảm mà người nội bộ đang nắm giữ (nếu có):

QUY CHẾ	Mã số: QC.01.06.II	Trang: 6 8 77
CÔNG BỐ THÔNG TIN	Lần sửa đổi: 02	Ngày văn bản:/...../2022

3. Mã chứng khoán giao dịch:

Mã chứng khoán cơ sở (đối với chứng quyền có bảo đảm):

4. Các tài khoản giao dịch có cổ phiếu/chứng chỉ quỹ/chứng quyền có bảo đảm nêu tại mục 3:

5. Số lượng, tỷ lệ cổ phiếu/chứng chỉ quỹ/ chứng quyền có bảo đảm nắm giữ trước khi thực hiện giao dịch:

Số lượng, tỷ lệ chứng khoán cơ sở (nêu tại mục 3) nắm giữ trước khi thực hiện chứng quyền có bảo đảm;

6. Số lượng cổ phiếu/chứng chỉ quỹ/chứng quyền có bảo đảm đăng ký mua/bán/cho/được cho/tặng/được tặng/thừa kế/chuyển nhượng/nhận chuyển nhượng/hoán đổi:

- Loại giao dịch đăng ký (mua/ bán/ cho/ được cho/ tặng/ được tặng/ thừa kế/chuyển nhượng/nhận chuyển nhượng/hoán đổi):

- Số lượng cổ phiếu/chứng chỉ quỹ/chứng quyền có bảo đảm đăng ký giao dịch:

7. Giá trị giao dịch dự kiến (tính theo mệnh giá):

Giá trị chứng quyền có bảo đảm (theo giá phát hành gần nhất) giao dịch dự kiến (đối với chứng quyền có bảo đảm):

8. Số lượng, tỷ lệ cổ phiếu/chứng chỉ quỹ/chứng quyền có bảo đảm dự kiến nắm giữ sau khi thực hiện giao dịch:

9. Mục đích thực hiện giao dịch:

10. Phương thức giao dịch:

11. Thời gian dự kiến thực hiện giao dịch:

** Số lượng, tỷ lệ chứng khoán cơ sở nắm giữ tại ngày thông báo giao dịch:*

Nơi nhận:

- ...;

- Lưu: VT,...

**CÁ NHÂN/TỔ CHỨC BÁO CÁO/ NGƯỜI
ĐƯỢC ỦY QUYỀN CÔNG BỐ THÔNG TIN**

(Ký, ghi rõ họ tên, đóng dấu - nếu có)

QUY CHẾ	Mã số: QC.01.06.II	Trang: 69 77
CÔNG BỐ THÔNG TIN	Lần sửa đổi: 02	Ngày văn bản:/...../2022

PHỤ LỤC 15

THÔNG BÁO GIAO DỊCH TRÁI PHIẾU CHUYỂN ĐỔI, QUYỀN MUA CỔ
PHIẾU/CHỨNG CHỈ QUỸ, QUYỀN MUA TRÁI PHIẾU CHUYỂN ĐỔI CỦA NGƯỜI
NỘI BỘ VÀ NGƯỜI CÓ LIÊN QUAN CỦA NGƯỜI NỘI BỘ

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN
NGÂN HÀNG CÔNG THƯƠNG VIỆT NAM

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số:/TB-CKCT...

..., ngày... tháng... năm....

THÔNG BÁO

Giao dịch trái phiếu chuyển đổi, quyền mua cổ phiếu/chứng chỉ quỹ, quyền mua trái
phiếu chuyển đổi của người nội bộ và người có liên quan của người nội bộ

Kính gửi: - Ủy ban Chứng khoán Nhà nước;
- Sở Giao dịch chứng khoán;
- Tên Công ty đại chúng/Công ty quản lý quỹ đầu tư chứng khoán.

1. Thông tin về cá nhân/tổ chức thực hiện giao dịch:

- Họ và tên cá nhân/Tên tổ chức:
- Quốc tịch:
- Số CMND, Hộ chiếu, Thẻ căn cước (đối với cá nhân) hoặc số Giấy chứng nhận
đăng ký doanh nghiệp, Giấy phép hoạt động hoặc giấy tờ pháp lý tương đương (đối với tổ
chức), ngày cấp, nơi cấp:
- Địa chỉ liên hệ/Địa chỉ trụ sở chính:
- Điện thoại: Fax:..... Email: Website:
- Chức vụ hiện nay tại công ty đại chúng, công ty quản lý quỹ (nếu có) hoặc mối
quan hệ với công ty đại chúng, công ty quản lý quỹ:

2. Thông tin về người nội bộ của công ty đại chúng/quỹ đại chúng là người có liên quan
của cá nhân/tổ chức thực hiện giao dịch (đối với trường hợp người thực hiện giao dịch là
người có liên quan của người nội bộ của công ty đại chúng/quỹ đại chúng:

- Họ và tên người nội bộ:
- Quốc tịch:
- Số CMND, Hộ chiếu, Thẻ căn cước:
- Địa chỉ thường trú:
- Điện thoại liên hệ: Fax: Email:
- Chức vụ hiện nay tại công ty đại chúng, công ty quản lý quỹ:
- Mối quan hệ giữa cá nhân/tổ chức thực hiện giao dịch với người nội bộ:
- Số lượng, tỷ lệ cổ phiếu/chứng chỉ quỹ mà người nội bộ đang nắm giữ (nếu có):

3. Mã chứng khoán giao dịch:

QUY CHẾ	Mã số: QC.01.06.II	Trang: 70 77
CÔNG BỐ THÔNG TIN	Lần sửa đổi: 02	Ngày văn bản:/...../2022

4. Các tài khoản giao dịch có cổ phiếu/chứng chỉ quỹ nêu tại mục 3..... tại công ty chứng khoán:
5. Số lượng, tỷ lệ cổ phiếu/chứng chỉ quỹ nắm giữ trước khi thực hiện giao dịch quyền mua, quyền chuyển đổi trái phiếu thành cổ phiếu:
6. Số lượng quyền mua hoặc số lượng trái phiếu chuyển đổi hiện có:
- Số lượng trái phiếu chuyển đổi hiện có (trong trường hợp giao dịch trái phiếu chuyển đổi hoặc quyền mua trái phiếu chuyển đổi):
- Số lượng quyền mua cổ phiếu/chứng chỉ quỹ/trái phiếu chuyển đổi hiện có:
7. Tỷ lệ thực hiện quyền mua (đối với giao dịch quyền mua) hoặc tỷ lệ chuyển đổi trái phiếu thành cổ phiếu (đối với giao dịch trái phiếu chuyển đổi):
8. Số lượng quyền mua (đối với giao dịch quyền mua) hoặc số lượng trái phiếu chuyển đổi (đối với giao dịch trái phiếu chuyển đổi) đăng ký mua/bán/cho/được cho/tặng/được tặng/thừa kế/chuyển nhượng/nhận chuyển nhượng:
- Loại giao dịch đăng ký (mua/bán/cho/được cho/tặng/được tặng/thừa kế/chuyển nhượng/nhận chuyển nhượng):
- Số lượng quyền mua (đối với giao dịch quyền mua) hoặc số lượng trái phiếu chuyển đổi (đối với giao dịch trái phiếu chuyển đổi) đăng ký giao dịch:
9. Giá trị chuyển nhượng dự kiến:
10. Tổng số lượng cổ phiếu/chứng chỉ quỹ/trái phiếu chuyển đổi dự kiến nắm giữ sau khi thực hiện quyền mua hoặc số lượng cổ phiếu dự kiến nắm giữ sau khi chuyển đổi trái phiếu thành cổ phiếu:
11. Phương thức giao dịch:
12. Thời gian dự kiến thực hiện giao dịch: từ ngày.... đến ngày.....

Nơi nhận:

-;

- Lưu: VT, ...

**CÁ NHÂN/TỔ CHỨC BÁO CÁO/ NGƯỜI
ĐƯỢC ỦY QUYỀN CÔNG BỐ THÔNG TIN**

(Ký, ghi rõ họ tên, đóng dấu – nếu có)

QUY CHẾ	Mã số: QC.01.06.II	Trang: 7 77
CÔNG BỐ THÔNG TIN	Lần sửa đổi: 02	Ngày văn bản:/...../2022

PHỤ LỤC 16

**BÁO CÁO KẾT QUẢ GIAO DỊCH CỔ PHIẾU/ CHỨNG CHỈ QUỸ/ CHỨNG QUYỀN CÓ
BẢO ĐẢM CỦA NGƯỜI NỘI BỘ VÀ NGƯỜI CÓ LIÊN QUAN CỦA NGƯỜI NỘI BỘ**

**CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN
NGÂN HÀNG CÔNG THƯƠNG VIỆT NAM**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số:/BC-CKCT...

..., ngày... tháng... năm....

BÁO CÁO

**Kết quả giao dịch cổ phiếu/ chứng chỉ quỹ/ chứng quyền có bảo đảm của người nội bộ
và người có liên quan của người nội bộ**

Kính gửi: - Ủy ban Chứng khoán Nhà nước;
- Sở Giao dịch chứng khoán;
- Tên Công ty đại chúng/Công ty quản lý quỹ đầu tư chứng khoán.

1. Thông tin về cá nhân/tổ chức thực hiện giao:

- Họ và tên cá nhân/Tên tổ chức:
- Quốc tịch:
- Số CMND, Hộ chiếu, Thẻ căn cước (đối với cá nhân) hoặc số Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp, Giấy phép hoạt động hoặc giấy tờ pháp lý tương đương (đối với tổ chức), ngày cấp, nơi cấp:
- Địa chỉ liên hệ/Địa chỉ trụ sở chính:
- Điện thoại:..... Fax: Email: Website:
- Chức vụ hiện nay tại công ty đại chúng, công ty quản lý quỹ (nếu có) hoặc mối quan hệ với công ty đại chúng, công ty quản lý quỹ:
- Chức vụ tại công ty đại chúng, công ty quản lý quỹ tại ngày đăng ký giao dịch (nếu có): và ngày không còn là người nội bộ hoặc người có liên quan của người nội bộ của công ty đại chúng, công ty quản lý quỹ: (nêu rõ lý do)

**: Mục này chỉ dành cho trường hợp sau khi đăng ký giao dịch, đối tượng đăng ký không còn là người nội bộ hoặc người có liên quan của người nội bộ của công ty đại chúng, công ty quản lý quỹ.*

2. Thông tin về người nội bộ của công ty đại chúng/quỹ đại chúng là người có liên quan của cá nhân/tổ chức thực hiện giao dịch:

- Họ và tên người nội bộ:
- Quốc tịch:
- Số CMND, Hộ chiếu, Thẻ căn cước:
- Địa chỉ thường trú:
- Điện thoại liên hệ: Fax: Email:
- Chức vụ tại công ty đại chúng, công ty quản lý quỹ tại ngày cá nhân/tổ chức nêu tại

QUY CHẾ	Mã số: QC.01.06.II	Trang: 72 77
CÔNG BỐ THÔNG TIN	Lần sửa đổi: 02	Ngày văn bản:/..../2022

- mục 1 đăng ký giao dịch:
- Chức vụ hiện nay tại công ty đại chúng, công ty quản lý quỹ:
 - Mỗi quan hệ giữa cá nhân/tổ chức thực hiện giao dịch với người nội bộ:
 - Số lượng, tỷ lệ cổ phiếu/chứng chỉ quỹ/chứng quyền có bảo đảm mà người nội bộ đang nắm giữ (nếu có)
3. Mã chứng khoán giao dịch:
- Mã chứng khoán cơ sở (đối với chứng quyền có bảo đảm):
4. Các tài khoản giao dịch có cổ phiếu/chứng chỉ quỹ/chứng quyền có bảo đảm nêu tại mục 3: tại công ty chứng khoán:
5. Số lượng, tỷ lệ cổ phiếu/chứng chỉ quỹ/chứng quyền có bảo đảm nắm giữ trước khi thực hiện giao dịch:
- Số lượng, tỷ lệ chứng khoán cơ sở (nêu tại mục 3) nắm giữ trước khi thực hiện chứng quyền có bảo đảm (đối với chứng quyền có bảo đảm):
6. Số lượng cổ phiếu/chứng chỉ quỹ/chứng quyền có bảo đảm đăng ký mua/bán/cho/được cho/tặng/được tặng/thừa kế/chuyển nhượng/nhận chuyển nhượng:
- Loại giao dịch đăng ký (mua/bán/cho/được cho/tặng/được tặng/thừa kế/ chuyển nhượng/nhận chuyển nhượng):
 - Số lượng cổ phiếu/chứng chỉ quỹ/chứng quyền có bảo đảm đăng ký giao dịch:
7. Số lượng cổ phiếu/chứng chỉ quỹ/chứng quyền có bảo đảm đã giao dịch (mua /bán/ cho/được cho/tặng/được tặng/thừa kế/chuyển nhượng/nhận chuyển nhượng/hoán đổi):
- Loại giao dịch đã thực hiện (mua/ bán/ cho/ được cho/ tặng/ được tặng/ thừa kế/ chuyển nhượng/ nhận chuyển nhượng/ hoán đổi):
 - Số lượng cổ phiếu/chứng chỉ quỹ/chứng quyền có bảo đảm đã giao dịch:
8. Giá trị đã giao dịch (tính theo mệnh giá):
- Giá trị chứng quyền có bảo đảm (theo giá phát hành gần nhất) đã giao dịch:
9. Số lượng, tỷ lệ cổ phiếu/chứng chỉ quỹ/chứng quyền có bảo đảm nắm giữ sau khi thực hiện giao dịch của người thực hiện giao dịch:
- Số lượng, tỷ lệ cổ phiếu/chứng chỉ quỹ/chứng quyền có bảo đảm nắm giữ sau khi thực hiện giao dịch của người thực hiện giao dịch và người có liên quan:
10. Số lượng, tỷ lệ chứng khoán cơ sở dự kiến nắm giữ sau khi thực hiện chứng quyền có bảo đảm:
11. Phương thức giao dịch:
12. Thời gian thực hiện giao dịch: từ ngày..... đến ngày
13. Lý do không hoàn tất giao dịch (trường hợp không thực hiện hết số lượng đăng ký):
- *: Số lượng, tỷ lệ chứng khoán cơ sở nắm giữ tại ngày báo cáo kết quả giao dịch:*

Nơi nhận:

-;

- Lưu: VT, ...

**CÁ NHÂN/TỔ CHỨC BÁO CÁO/ NGƯỜI
ĐƯỢC ỦY QUYỀN CÔNG BỐ THÔNG TIN**
(Ký, ghi rõ họ tên, đóng dấu - nếu có)

QUY CHẾ	Mã số: QC.01.06.II	Trang: 73 77
CÔNG BỐ THÔNG TIN	Lần sửa đổi: 02	Ngày văn bản:/...../2022

**BÁO CÁO KẾT QUẢ GIAO DỊCH TRÁI PHIẾU CHUYỂN ĐỔI, QUYỀN MUA CỔ
PHIẾU/CHỨNG CHỈ QUỸ/TRÁI PHIẾU CHUYỂN ĐỔI CỦA NGƯỜI NỘI BỘ VÀ
NGƯỜI CÓ LIÊN QUAN CỦA NGƯỜI NỘI BỘ**

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

..., ngày... tháng... năm....

Kết quả giao dịch trái phiếu chuyển đổi, quyền mua cổ phiếu/chứng chỉ quỹ/trái phiếu chuyển đổi của người nội bộ và người có liên quan của người nội bộ

Kính gửi: - Ủy ban Chứng khoán Nhà nước;
 - Sở Giao dịch chứng khoán;
 - Tên Công ty đại chúng/Công ty quản lý quỹ đầu tư chứng khoán.

2. Họ và tên cá nhân/Tên tổ chức:

- Số CMND, Hộ chiếu, Thẻ căn cước (đối với cá nhân) hoặc số Giấy chứng nhận đăng
 kinh nghiệp, Giấy phép hoạt động hoặc giấy tờ pháp lý tương đương (đối với tổ chức),
 cấp, nơi cấp:

- Chức vụ hiện nay tại công ty đại chúng, công ty quản lý quỹ (nếu có) hoặc mối quan hệ với công ty đại chúng, công ty quản lý quỹ:

- Chức vụ tại công ty đại chúng, công ty quản lý quỹ tại ngày đăng ký giao dịch (nếu có): và ngày không còn là người nội bộ hoặc người có liên quan của người nội bộ của công ty đại chúng, công ty quản lý quỹ: (nêu rõ lý do)

(*: Mục này chỉ dành cho trường hợp chưa hết thời hạn đăng ký giao dịch, đối tượng đăng ký không còn là người nội bộ hoặc người có liên quan của người nội bộ của công ty đại chúng, công ty quản lý quỹ/quỹ đại chúng)

2. Thông tin về người nội bộ của công ty đại chúng/quỹ đại chúng là người có liên quan của cá nhân/tổ chức thực hiện giao dịch:

- Chức vụ tại công ty đại chúng, công ty quản lý quỹ tại ngày cá nhân/tổ chức nêu tại

QUY CHẾ	Mã số: QC.01.06.II	Trang: 74 77
CÔNG BỐ THÔNG TIN	Lần sửa đổi: 02	Ngày văn bản:/..../2022

M

mục 1 đăng ký giao dịch:

- Chức vụ hiện nay tại công ty đại chúng, công ty quản lý quỹ:
- Mối quan hệ giữa cá nhân/tổ chức thực hiện giao dịch với người nội bộ:
- Số lượng, tỷ lệ cổ phiếu/chứng chỉ quỹ mà người nội bộ đang nắm giữ (nếu có):

3. Mã chứng khoán giao dịch:

4. Các tài khoản giao dịch có cổ phiếu/chứng chỉ quỹ nêu tại mục 3: tại công ty chứng khoán

5. Số lượng, tỷ lệ cổ phiếu/chứng chỉ quỹ nắm giữ trước khi giao dịch trái phiếu chuyển đổi; quyền mua cổ phiếu/chứng chỉ quỹ, quyền mua trái phiếu chuyển đổi:

6. Số lượng trái phiếu chuyển đổi trước giao dịch (trong trường hợp giao dịch trái phiếu chuyển đổi hoặc quyền mua trái phiếu chuyển đổi:

7. Số lượng quyền mua cổ phiếu/chứng chỉ quỹ/trái phiếu chuyển đổi trước giao dịch:

8. Tỷ lệ thực hiện quyền mua hoặc tỷ lệ chuyển đổi trái phiếu thành cổ phiếu:

9. Số lượng quyền mua (đối với giao dịch quyền mua) hoặc số lượng trái phiếu chuyển đổi (đối với giao dịch trái phiếu chuyển đổi) đăng ký mua/bán/cho/được cho/tặng/được tặng/thừa kế/chuyển nhượng/nhận chuyển nhượng:

- Loại giao dịch đăng ký thực hiện (mua/bán/cho/được cho/tặng/được tặng/thừa kế/chuyển nhượng/nhận chuyển nhượng):

- Số lượng quyền mua (đối với giao dịch quyền mua) hoặc số lượng trái phiếu chuyển đổi (đối với giao dịch trái phiếu chuyển đổi) đăng ký thực hiện/Number:

10. Số lượng quyền mua (đối với giao dịch quyền mua) hoặc số lượng trái phiếu chuyển đổi (đối với giao dịch trái phiếu chuyển đổi thành cổ phiếu) đã mua/bán/cho/được cho/tặng/được tặng/thừa kế/chuyển nhượng/nhận chuyển nhượng:

- Loại giao dịch đã thực hiện (mua/bán/cho/được cho/tặng/được tặng/thừa kế/chuyển nhượng/nhận chuyển nhượng):

- Số lượng quyền mua (đối với giao dịch quyền mua) hoặc số lượng trái phiếu chuyển đổi (đối với giao dịch trái phiếu chuyển đổi) đã thực hiện:

11. Giá trị đã giao dịch (tính theo mệnh giá hoặc giá phát hành):

12. Số lượng cổ phiếu/chứng chỉ quỹ/trái phiếu chuyển đổi dự kiến nắm giữ sau khi thực hiện quyền mua hoặc số lượng cổ phiếu dự kiến nắm giữ sau khi chuyển đổi trái phiếu thành cổ phiếu:

13. Phương thức giao dịch:

14. Thời gian thực hiện giao dịch: từ ngày đến ngày.....

15. Lý do không hoàn tất giao dịch (trường hợp không thực hiện hết số lượng đăng ký):

Trường hợp báo cáo kết quả giao dịch chuyển nhượng quyền cần gửi kèm tài liệu xác nhận giá trị giao dịch chuyển nhượng quyền.

Nơi nhận:

-

- Lưu: VT,

**CÁ NHÂN/TỔ CHỨC BÁO CÁO/ NGƯỜI ĐƯỢC
ỦY QUYỀN CÔNG BỐ THÔNG TIN**

(Ký, ghi rõ họ tên, đóng dấu - nếu có)

QUY CHẾ	Mã số: QC.01.06.II	Trang: 75 77
CÔNG BỐ THÔNG TIN	Lần sửa đổi: 02	Ngày văn bản:/...../2022

PHỤ LỤC 18

THÔNG BÁO THAY ĐỔI MÔ HÌNH CÔNG TY VÀ LOẠI BÁO CÁO TÀI CHÍNH

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN
NGÂN HÀNG CÔNG THƯƠNG VIỆT NAM

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số:/TB-CKCT...

..., ngày... tháng... năm....

THÔNG BÁO THAY ĐỔI MÔ HÌNH CÔNG TY VÀ LOẠI BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Kính gửi: Ủy ban Chứng khoán Nhà nước
Sở Giao dịch Chứng khoán Việt Nam
Trung tâm Lưu ký Chứng khoán Việt Nam/Tổng Công ty Bù trừ
Lưu ký Chứng khoán Việt Nam
Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội
Sở Giao dịch Chứng khoán Tp.Hồ Chí Minh

Căn cứ điểm a, khoản 1, điều 10 Thông tư 96/2020/TT-BTC, Công ty Chứng khoán Công thương xin thông báo về việc thay đổi mô hình công ty và loại báo cáo tài chính (BCTC) như sau :

- Tên tổ chức:
- Mã chứng khoán:
- Địa chỉ:
- Điện thoại liên hệ: Fax:
- Email:
- Website:

I. Thông tin đăng ký lần đầu/trước khi thay đổi:

1. Mô hình công ty (chỉ đánh dấu loại hình phù hợp):

- ☐ Không có công ty con và đơn vị kế toán trực thuộc
- ☐ Có đơn vị kế toán trực thuộc
- ☐ Có công ty con
- ☐ Có đơn vị kế toán trực thuộc và công ty con.

2. Loại BCTC công bố thông tin (chỉ đánh dấu các loại BCTC đăng ký CBTT theo quy định tương ứng với loại hình nêu tại khoản 1 mục này):

- ☐ BCTC riêng của Công ty
- ☐ BCTC tổng hợp
- ☐ BCTC hợp nhất

II. Thông tin sau khi thay đổi (chỉ áp dụng khi thay đổi mô hình và loại BCTC)

1. Mô hình công ty (chỉ đánh dấu loại hình phù hợp):

- ☐ Không có công ty con và đơn vị kế toán trực thuộc

QUY CHẾ	Mã số: QC.01.06.II	Trang: 76 77
CÔNG BỐ THÔNG TIN	Lần sửa đổi: 02	Ngày văn bản:/..../2022

- ☐ Có đơn vị kế toán trực thuộc
- ☐ Có công ty con
- ☐ Có đơn vị kế toán trực thuộc và công ty con.

2. Loại BCTC công bố thông tin (chỉ đánh dấu các loại BCTC đăng ký CBTT theo quy định tương ứng với loại hình nêu tại khoản 1 mục này):

- ☐ BCTC riêng của Công ty
- ☐ BCTC tổng hợp
- ☐ BCTC hợp nhất

3. Lý do thay đổi:

4. Ngày bắt đầu có hiệu lực:

Chúng tôi xin cam kết các thông tin công bố trên đây là đúng sự thật và hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật về nội dung thông tin công bố.

Tài liệu đính kèm:

Tài liệu liên quan đến việc
thay đổi thông tin đã đăng ký.

**CÁ NHÂN/TỔ CHỨC BÁO CÁO/ NGƯỜI ĐƯỢC
ỦY QUYỀN CÔNG BỐ THÔNG TIN**

(Ký, ghi rõ họ tên, đóng dấu - nếu có)

QUY CHẾ	Mã số: QC.01.06.II	Trang: 77 77
CÔNG BỐ THÔNG TIN	Lần sửa đổi: 02	Ngày văn bản:/...../2022